

UBND PHƯỜNG MUỜNG THANH
TRƯỜNG MẦM NON THANH XƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 261 /QĐ-MNTX ngày 08 tháng 9 năm 2025 của trường MN Thanh Xương)

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non; Thông tư số 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo văn bản hợp nhất ban hành chương trình giáo dục mầm non; Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 V/v Ban hành chương trình làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo; Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ QĐ 1617/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Nghị định số 105/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của chính phủ Quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non; Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT quy định về công tác y tế trường học; Thông tư số 16/ 2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND, ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Kế hoạch số 2615/KH-SGDĐT ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2025 – 2026; Công văn Số: 2617/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công tác bảo vệ trẻ em và giáo dục hòa nhập trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong các cơ sở giáo dục năm học 2025-2026.

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường. Trường MN Thanh Xương xây dựng Chương giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Trường mầm non Thanh Xương có hệ thống cơ sở vật chất khang trang sạch đẹp, có 3 điểm trường với 17 nhóm lớp có đủ trang thiết bị tối thiểu. Trường có bề dày thành tích về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm. Năm học 2024-2025 trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, được UBND huyện tặng giấy khen; 01 cá nhân được UBND tỉnh tặng Bằng khen; 01 cá nhân được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tặng giấy khen; 02 cá nhân được UBND huyện tặng Giấy khen, có 08 cá nhân đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; 01 cá nhân được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen. 100% CBGV có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, có trên 80% giáo viên dạy giỏi các cấp (Trong đó có 2 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 9 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện) có khả năng linh hoạt trong xây dựng kế hoạch, tạo môi trường và tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành. Một số học sinh trong nhà trường được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non như chế độ ăn trưa, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ, đối với giáo viên được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước. Tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 2,05 GV/lớp đảm bảo theo quy định.

Trường Mầm non Thanh Xương nằm trên địa bàn khu đô thị Bôm La, Phường Mường Thanh- Tỉnh Điện Biên. Trường được xây dựng kiên cố hóa bằng vốn 159 và nguồn vốn ngân sách trung ương cho sự nghiệp giáo dục có đủ phòng chức năng, phòng hiệu bộ và 18 phòng học, phòng ngủ riêng biệt, công trình vệ sinh khép kín có trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện đại. Nhà trường đã xây dựng mới được 02 phòng thư viện thân thiện (Trong đó có 01 phòng thư viện thân thiện của trẻ, 01 phòng thư viện của giáo viên).

Vị trí trung tâm trường và các điểm trường đặt ở khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương. Có đường giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ tới trường. Trường có đủ diện tích đảm bảo theo quy định, diện tích phòng học, sân chơi, có vườn cây cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục. Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang sạch đẹp, trường có 03 điểm trường lẻ (giảm 01 điểm trường so với năm học trước) đều có đường đi thuận tiện, hệ thống các lớp học, tường xây bao quanh, khối phòng làm việc, phòng chức năng, nhà bếp đều kiên cố hóa và có đầy đủ đồ dùng trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non sau sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 51/BGDĐT, công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ và các hoạt động khác của nhà trường.

Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, nhân dân đã nhận thức rõ việc cần thiết cho con trẻ đến trường nên việc đầu tư cho con em đi học được quan tâm hơn. Đa số phụ huynh tích cực phối hợp hỗ trợ ngày công lao động xây dựng môi trường giáo

đục lấy trẻ làm trung tâm và tham gia các hoạt động trải nghiệm, lễ hội của nhà trường. Trường có tiềm năng xây dựng hiệu quả cộng đồng học tập trong trường mầm non dựa trên sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Dân cư tương đối tập trung đa số các gia đình có nhu cầu cho con học trường mầm non trên địa bàn xã. Có 263 trẻ dân tộc ra lớp, nữ dân tộc: 114 trẻ, trẻ mạnh dạn tự tin, ngôn ngữ mạch lạc.

Nhà trường có điều kiện tổ chức mở lớp cho trẻ 4,5 tuổi làm quen tiếng Anh, ứng nghệ công nghệ thông tin, chuyển đổi số, công nghệ AI trong quản lý và dạy học.

2. Khó khăn thách thức

Năm học 2025-2026, do thực tiễn số lượng phân bố dân số trẻ trên địa bàn không đồng đều tại khu vực trung tâm và các điểm trường, vị trí Trung tâm trường nằm ở khu đô thị Bom La nên dân số trẻ tập trung khu trung tâm đông, còn các điểm Pú Tiu. Đội 2, điểm trường C17 trẻ ít nên nhà trường tổ chức bố trí số nhóm nhà trẻ là 05 nhóm (tăng 01 nhóm trẻ so với năm học 2024-2025); MG gồm 12 lớp (giảm 01 lớp so với năm học 2024-2025). Trong đó có 01 lớp ghép 3,4 tuổi tại điểm trường C17; 1 lớp ghép 4,5 tuổi tại điểm trường đội 2).

Có một số giáo viên năng lực chuyên môn còn hạn chế, đặc biệt trong việc xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhà trường và ứng dụng phương pháp dạy học của các nước tiên tiến phù hợp với nhóm lớp, còn hạn chế trong ứng dụng công nghệ vào dạy học.

Một số trẻ là người dân tộc ngôn ngữ phổ thông còn hạn chế, thiếu mạch lạc, chưa mạnh dạn tự tin. Còn trẻ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ sống trong gia đình có hoàn cảnh đặc biệt. Có 02 trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập có hồ sơ khuyết tật. Có 2 trẻ có biểu hiện tăng động khó khăn về nhận thức nhưng không có hồ sơ khuyết tật. Công tác xã hội hóa giáo dục còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là đối với các lớp ở điểm bản.

- Năm học 2025-2026 diễn ra trong bối cảnh chuyển đổi chính quyền địa phương hai cấp nên còn gặp một số khó khăn như:

- Thay đổi cơ chế quản lý, điều hành: Khi chính quyền địa phương chuyển đổi mô hình quản lý hai cấp (tỉnh – xã/phường), có thể phát sinh sự chông chéo trong chỉ đạo, chậm ban hành văn bản hướng dẫn mới, khiến nhà trường lúng túng trong việc triển khai nhiệm vụ.

+ Nguồn lực tài chính – cơ sở vật chất: Cơ chế phân bổ ngân sách có thể thay đổi, dẫn đến khó khăn trong việc xin kinh phí tu bổ, nâng cấp phòng học, phòng chức năng và thiết bị hiện đại.

+ Tác động đến đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên: Sự thay đổi trong bộ máy lãnh đạo địa phương có thể ảnh hưởng đến công tác phối hợp, hỗ trợ của các ban ngành; giáo viên phải thích ứng với chính sách quản lý mới.

+ Tách động trong việc huy động trẻ ra lớp: Nhiều gia đình, phụ huynh do chuyển đổi công việc, nơi công tác nên nhiều trẻ phải đi theo cùng bố mẹ nên số trẻ ra lớp cũng không ổn định.

- Thách thức trong ứng dụng AI và chuyển đổi số:

+ Hạn chế về cơ sở hạ tầng công nghệ: Trường mầm non ở xã thường gặp khó khăn về đường truyền Internet, thiết bị thông minh (máy tính, bảng tương tác, máy chiếu, camera), gây cản trở cho việc triển khai giáo dục số.

+ Năng lực công nghệ của giáo viên: Phần lớn giáo viên mầm non quen với phương pháp dạy học truyền thống; việc sử dụng AI (tạo giáo án số, xây dựng học liệu điện tử, đánh giá trẻ bằng công cụ số...) còn mới mẻ, dẫn đến tâm lý e ngại, thiếu tự tin.

+ Chênh lệch về tiếp cận công nghệ của trẻ: Trẻ mầm non vùng nông thôn ít có cơ hội tiếp xúc với thiết bị công nghệ tại gia đình, nên khi áp dụng vào trường học dễ bị quá tải, khó khai thác hiệu quả.

+ Vấn đề bảo mật và an toàn thông tin: Việc sử dụng phần mềm, nền tảng trực tuyến, dữ liệu học sinh – phụ huynh có nguy cơ rò rỉ thông tin nếu không có giải pháp an toàn mạng tốt.

+ Nguồn lực bồi dưỡng giáo viên: Việc tập huấn, đào tạo về AI và chuyển đổi số đòi hỏi thời gian, kinh phí, và tài liệu phù hợp cho đặc thù giáo dục mầm non, trong khi hiện nay còn thiếu hệ thống bồi dưỡng chuyên sâu.

- Khó khăn trong việc ứng dụng phương pháp giáo dục STEM:

+ Thiếu cơ sở vật chất và thiết bị: STEM đòi hỏi có nguyên vật liệu, dụng cụ thí nghiệm, công cụ công nghệ. Trong điều kiện mầm non vùng nông thôn, việc đầu tư đồng bộ rất khó khăn, dẫn đến nhiều hoạt động bị giản lược, kém hấp dẫn.

+ Khó khăn trong thiết kế hoạt động: Trẻ mầm non cần hoạt động đơn giản, trải nghiệm trực quan, nhưng giáo viên đôi khi lúng túng khi chuyển hóa nội dung STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học) thành hoạt động vừa sức, hấp dẫn.

+ Trình độ công nghệ thông tin của giáo viên: STEM thường gắn với công nghệ và kỹ năng sáng tạo. Một số giáo viên cao tuổi chưa quen sử dụng các phần mềm hỗ trợ (ví dụ: tạo trò chơi số, lập trình robot giáo dục đơn giản), khiến hoạt động bị giới hạn.

+ Chưa có tài liệu chuẩn cho bậc mầm non: Phần lớn tài liệu STEM hiện có ở Việt Nam mới tập trung cho bậc tiểu học trở lên. Mầm non chỉ có hướng dẫn chung, thiếu hệ thống bài học mẫu cụ thể để giáo viên tham khảo.

+ Vẫn còn một số cha mẹ trẻ là người dân tộc thiểu số điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa có điện thoại thông minh, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế nên cũng gặp khó khăn trong chuyển đổi số hỗ trợ các con em học tập.

3. Giá trị cốt lõi

Năm học 2025-2026 với mục tiêu và trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học với tầm nhìn sứ mệnh nhằm xây dựng trường học hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm, theo phương châm “*giáo dục lấy trẻ làm trung tâm*” và “An toàn – Thân thiện – Tích cực” hướng tới sự phát triển toàn diện, giúp trẻ rèn luyện phẩm chất năng lực cần thiết để tự nhận thức, tăng cường khả năng thích nghi với sự biến đổi của môi trường và bối cảnh của địa phương thời kỳ đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đề cao 5 giá trị cốt lõi: trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, chủ động, tự tin, sáng tạo. Trường mầm non xã Thanh Xương đã xác định mục tiêu của nhà trường trong năm học 2025-2026 như sau: *giúp trẻ em phát triển hài hòa về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, tăng cường nói tiếng Việt, trẻ mạnh dạn tự tin. Khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách những năng lực phẩm chất cần thiết, chuẩn bị cho trẻ vào học lớp 1 đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và học tập suốt đời.* Năm học thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, tập thể nhà trường vừa thực hiện tốt công tác huy động trẻ, vừa phải đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ vừa thực hiện triển khai thực hiện tốt Chương trình GDMN sau sửa đổi theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Nhà trường quyết tâm giữ vững và nâng cao các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II và trường kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. Mục tiêu giáo dục mầm non

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

*** Mục tiêu riêng của trường**

- Mục tiêu về chăm sóc: Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; phòng, chống tai nạn thương tích. Trẻ được giáo dục trẻ về kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự phục vụ và bảo vệ chăm sóc sức khỏe.

- Mục tiêu về dạy học theo phương pháp giáo dục stem: Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo tiếp cận Stem dựa trên cách tích hợp các thành tố khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học vào các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non

nhằm khuyến khích trẻ em tự xây dựng kiến thức về thể giới xung quanh bằng cách quan sát, điều tra và đặt câu hỏi từ đó tăng cường hiểu biết của trẻ về các khái niệm cơ bản trong các lĩnh vực của STEM và khả năng vận dụng hiểu biết đó vào thực tiễn, cải thiện khả năng sáng tạo và giải quyết vấn đề của trẻ.

+ Phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận dự án học tập, phát triển phẩm chất và năng lực trẻ mẫu giáo, tăng cường tính tích cực, chủ động và sáng tạo, kết nối tri thức với thực tiễn, phát triển kỹ năng hợp tác theo nhóm.

Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày, chú trọng tổ chức thực hiện các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua hoạt động chơi là chủ đạo.

Trẻ Mẫu giáo 4,5 tuổi khu trung tâm được làm quen với ngoại ngữ tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT; Hướng tới hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh; chuẩn bị tốt cho việc học tiếng Anh ở bậc tiểu học; tạo cơ hội cho trẻ tiếp xúc các nền văn hóa khác.

Trẻ thực hiện chương trình GDMN được tiếp cận công nghệ số trẻ được làm quen với máy tính, các trò chơi UDCNTT.

Phát triển năng lực cảm xúc xã hội của trẻ:

+ Nhà trẻ: Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi; có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

+ Mẫu giáo: Trẻ có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

Tổ chức tốt việc triển khai mô hình “*Thư viện thân thiện cho bé*” rà soát các điều kiện để dần hoàn thiện các điều kiện theo Thông tư 16/TT-BGDĐT, tổ chức tốt các hoạt động thư viện, vận hành thư viện số.

Tăng cường lồng ghép, tích hợp bảo đảm chất lượng, hiệu quả các nội dung giáo dục Quyền trẻ em, giáo dục giới, an toàn giao thông, kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu,...vào quá trình thực hiện Chương trình GDMN.

Tiếp tục tổ chức chất lượng, hiệu quả giáo dục Quyền con người trong triển khai Chương trình cho trẻ mẫu giáo. Tuyên truyền và thực hiện nhiệm vụ Đề án “Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”

Trẻ có một số hiểu biết về truyền thống, bản sắc văn hóa của Điện Biên, các ngày lễ hội của Điện Biên phù hợp với độ tuổi

* Mục tiêu đối với trẻ khuyết tật: 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập (lớp MG lớn A và MG lớn B), có sự tiến bộ đến cuối độ tuổi, 01 trẻ lớp MG lớn A có thể trạng bị đao có thể hòa nhập, 1 trẻ có thể trạng khuyết tật về nhận thức, vận động và ngôn ngữ. Có 2 trẻ biểu hiện tăng động, nhận thức kém (lớp MG ghép 4,5 tuổi Đội 2). Trẻ khuyết tật được tiếp cận với kiến thức bằng nhiều con đường và cách tiếp cận khác nhau, giúp cho trẻ khuyết tật có kiến thức, kinh nghiệm làm phương tiện cho quá trình

học tập, phát triển và hoà nhập cộng đồng. Giúp trẻ cùng chung sống, cùng chung mục đích sẽ giúp mọi trẻ có thể tham gia vào hoạt động, không bị cô lập, và đặc biệt sẽ góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng của công việc từ những nỗ lực chung của mọi thành viên. Trẻ khuyết tật khi tham gia vào quá trình giáo dục, giúp trẻ có thể tự tin vào chính năng lực của mình cũng như đưa ra các ý kiến. Tham gia vào quá trình giáo dục chung, trẻ khuyết tật có thể nhận rõ mình và có cơ hội được khẳng định khả năng của mình, bản thân mình trước các thành viên khác.

Đảm bảo cho trẻ khuyết tật hưởng những quyền giáo dục cơ bản, quyền tự do không tách biệt, tham gia vào hoạt động xã hội và có cơ hội cống hiến. Phát triển toàn diện các mặt cho trẻ khuyết tật, bao gồm: Đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và khả năng lao động; phát triển kiến thức, kỹ năng văn hóa xã hội, thái độ tích cực, tạo điều kiện hòa nhập cộng đồng. Trẻ khuyết tật có cơ hội hòa nhập vào môi trường giáo dục bình thường, phát triển hài hòa và tối đa những khả năng còn lại để hình thành, phát triển nhân cách.

Những mục tiêu giáo dục cụ thể cho trẻ khuyết tật:

- + Về kiến thức, kỹ năng văn hóa: Đạt trình độ phát triển tối đa so với khả năng của trẻ trong cùng thời gian và môi trường giáo dục mầm non.

- + Về kỹ năng xã hội: Được trang bị những kiến thức và kỹ năng xã hội như trẻ bình thường ở cùng độ tuổi, có điều chỉnh cho phù hợp.

- + Phục hồi chức năng: Cải thiện tình trạng suy giảm chức năng do khuyết tật gây nên đồng thời phát huy tối đa những chức năng còn lại.

- + Giáo dục tự phục vụ, lao động: Phát huy tối đa khả năng tự phục vụ của trẻ trong các hoạt động sống, sinh hoạt, học tập hàng ngày.

II. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ và phương tiện hỗ trợ

1. Yêu cầu về nội dung GDMN

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

- Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số, bảo đảm cho trẻ có kỹ năng nghe, hiểu sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giúp trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, tăng cường khả năng sẵn sàng cho trẻ mầm non người dân tộc thiểu số vào lớp 1.

- Nội dung chương trình được thiết kế theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp; đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó, liên thông giữa các độ tuổi, mang tính mở, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ. Chương trình được xây dựng theo quan điểm giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm”. Các hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi”, được lồng ghép tích hợp thông qua các hoạt động giáo dục và giao tiếp trong các ngữ cảnh và hoạt động gần gũi, có ý nghĩa.

- Nội dung tiếng anh (đối với lớp mở tại trung tâm trường): Theo nội dung chương trình làm quen tiếng Anh của Trung tâm ngoại ngữ Việt Mỹ.

- Nội dung giáo dục cảm xúc xã hội theo hướng phát triển năng lực nhằm hình thành cho trẻ các năng lực cảm xúc: dạy trẻ nhận biết cảm xúc, hiểu được cảm xúc, thể hiện/biểu lộ cảm xúc, quản lý cảm xúc. Từ các năng lực cảm xúc xã hội giáo viên xác định các nội dung giáo dục cảm xúc cho trẻ: đặt tên cảm xúc, nhìn nhận bản thân tích cực, Lòng biết ơn, áp dụng các quy tắc xã hội, đồng cảm với người khác, giải quyết xung đột, tôn trọng sự đa dạng, hòa hợp với thiên nhiên, kiểm soát bản thân, linh hoạt nhận thức, linh hoạt hoạt động....

- Về công nghệ số: Trẻ có thể nhận biết các thiết bị công nghệ có ở xung quanh trẻ, được tiếp cận với công nghệ thông tin và truyền thông, trẻ được làm quen và tập sử dụng thiết bị công nghệ, cách sử dụng máy tính đơn giản căn bản của máy tính, sử dụng phần mềm Kisdmat, các trò chơi có UDCNTT trong các hoạt động học và hoạt động vui chơi. Hình thành kỹ năng sử dụng bàn phím thành thạo để phục vụ cho việc học tập dài lâu. Trẻ nhận diện các con số, hình dạng, chữ cái, nhận thức về thế giới xung quanh, tập vẽ tranh vừa giúp phát triển khả năng ngôn ngữ, vừa hình thành, phát triển khả năng cảm thụ cái đẹp, khả năng tư duy. Trẻ có thể biết được quá trình phát triển của công nghệ, an toàn khi sử dụng công nghệ.

- Về Quyền con người: Bước đầu hình thành cho trẻ nhận biết được quyền và biết tôn trọng quyền của người khác. Có trách nhiệm với bản thân Kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; yêu thương, quan tâm, chia sẻ tình cảm, nguyện vọng với cha mẹ và mọi người xung quanh; với thầy cô, bạn bè... Bồn phận của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội, với quê hương đất nước....

- Về thư viện: Trẻ có nhiều cơ hội học tập tích cực, khám phá, trải nghiệm nhiều điều mới mẻ, kích thích động cơ đọc sách, hình thành thói quen đọc sách ngay từ nhỏ và từng bước xây dựng nền tảng văn hóa đọc cho trẻ em chuẩn bị cho trẻ kỹ năng

làm quen với “đọc”, “viết” và tâm thế vào học lớp 1, giúp trẻ phát triển kỹ năng sống, tư duy sáng tạo và khả năng tự học. Trẻ có thể sử dụng thư viện số.

- Thực hiện tốt việc chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông chương trình GDPT 2018. Nội dung giáo dục mầm non phải bảo đảm phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em; hài hòa giữa bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng với giáo dục trẻ em; phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, kỹ năng xã hội, trí tuệ, thẩm mỹ; tôn trọng sự khác biệt; phù hợp với các độ tuổi và liên thông với giáo dục tiểu học.

* Nội dung hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập:

Trường học thực hiện các nội dung giáo dục cho học sinh thông qua các hoạt động chính khóa, ngoại khóa và đặc biệt là hoạt động dạy học.

- Phát triển thể chất: Thực hiện các vận động thô, vận động tinh, tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe, tiếp cận với môi trường xung.

- Kỹ năng tự phục vụ: (Ăn uống, vệ sinh....)

- Phát triển ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp: Lắng nghe người khác nói; Làm theo chỉ dẫn; Thể hiện nhu cầu và mong muốn của bản thân; Trả lời câu hỏi (Vốn từ, phát âm, kỹ năng tiền đọc, tiền viết, khả năng diễn đạt và thái độ trong giao tiếp...)

- Kỹ năng học tập, phát triển nhận thức: Đọc; Vẽ, Viết; Toán (Khả năng tập trung chú ý, ghi nhớ và vận dụng trong sinh hoạt, vui chơi....).

- Kỹ năng sống độc lập: Sử dụng công nghệ; Tự bảo quản đồ dùng cá nhân

- Phát triển kỹ năng xã hội: Chờ đến lượt; Đối thoại với người khác; Kết bạn; Hiểu ngôn ngữ cử chỉ, điệu bộ (Có ứng xử phù hợp, thực hiện một số quy định trong sinh hoạt....).

- Kỹ năng kiểm soát cảm xúc và hành vi: Nhận ra và phân biệt các cảm xúc khác nhau; Thể hiện cảm xúc; Kiểm soát cảm xúc; Kiểm soát cơn giận dữ.

- Kỹ năng làm việc: Có những kỹ năng làm việc ban đầu; Làm việc nhóm; Tự quản lý bản thân; Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện.

* Nội dung phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật:

- Phục hồi chức năng cho trẻ chậm phát triển trí tuệ: Chủ yếu về phục hồi chăm sóc sức khỏe, thần kinh, trí nhớ.

- Phục hồi chức năng cho trẻ khiếm thị: Thị lực

- Phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật ngôn ngữ: phát âm

- Phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật vận động: Vận động

* Nội dung giáo dục trẻ khuyết tật theo cách tiếp cận xã hội (Giáo dục hòa nhập) được xây dựng dựa trên quan điểm:

- Mọi trẻ em đều có thể học được, những trải nghiệm của trẻ trong quá trình học tập sẽ giúp trẻ được học hỏi và có những hiểu biết, nhận định sát thực về cuộc sống.

- Xây dựng nội dung giáo dục cho trẻ khuyết tật không chỉ bó hẹp ở phạm vi sách vở mà phải gắn liền với kiến thức thực tiễn. Nội dung giáo dục hướng trẻ vào các hoạt động thực tiễn, tiếp nhận kiến thức thông qua thực hành và trải nghiệm sát thực.

- Nội dung giáo dục cụ thể cần phải chú ý tới việc cung cấp kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cho trẻ ở các mặt: Kiến thức, kỹ năng học đường để có thể tiếp tục học lên các cấp học cao hơn; kiến thức và kỹ năng giải quyết các vấn đề sát thực của cuộc sống; thái độ đúng với các vấn đề học tập, mối quan hệ bạn bè, gia đình, cộng đồng và thái độ phù hợp trước những cơ hội hay thách thức, khó khăn.

- Xây dựng nội dung giáo dục cho trẻ khuyết tật được xác định trên tiêu chí cơ bản đó là: Nội dung đảm bảo tính vừa sức và đảm bảo cho sự phát triển của trẻ sau này; Nội dung kiến thức cần đặc biệt chú ý tới những lĩnh vực thiết yếu của cuộc sống và gắn liền cuộc sống học tập của trẻ với sinh hoạt hòa nhập cộng đồng. Việc tham gia học tập của trẻ có hiệu quả hay không phụ thuộc nhiều ở môi trường tác động giáo dục và sự điều chỉnh nội dung hợp lý cho từng lứa trẻ.

2. Yêu cầu về phương pháp GDMN

- Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm – sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với trường, lớp.

- Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “học bằng chơi, chơi mà học”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

- Ứng dụng một số phương pháp giáo dục tích hợp các mục tiêu, nội dung của chương trình vào các dự án giáo dục

STEM/STEAM, Tổ chức hoạt động giáo dục STEM/STEAM là thực hiện theo quy trình 5E hoặc quy trình thiết kế kỹ thuật (EDP)

- Phương pháp dạy tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số: Giáo viên vận dụng phương pháp trực quan hành động với cơ thể, trực quan hành động với đồ vật và trực quan hành động với tranh ảnh, trực quan hành động với hoạt động vẽ tranh, trực quan hành động qua hoạt động di chuyển tranh ảnh, sử dụng tối đa các giác quan để trẻ hiểu sâu sự vật hiện tượng.

- Phương pháp cho trẻ 4-6 tuổi làm quen với tiếng Anh: kết hợp dạy tiếng Anh cho con cùng với các trò chơi vận động, đồ chữ, hoặc những bài hát có giai điệu vui tươi, tiết tấu vừa phải cũng như từ ngữ đơn giản kết hợp cùng hình ảnh minh họa sẽ giúp trẻ dễ dàng tiếp thu từ mới và ghi nhớ lâu hơn.

- Phương pháp cho trẻ hoạt động phòng thư viện: Tự đọc sách và trải nghiệm các hoạt động vui chơi của trẻ, ứng dụng thư viện số vào trong hoạt động thư viện.

- Phương pháp giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ: Phương pháp thực hành trải nghiệm; PP trò chơi; PP làm mẫu, nêu gương; PP trò chuyện; PP dùng tác phẩm nghệ thuật; PP thảo luận nhóm; PP động não; PP dùng tình cảm; PP đóng vai.

- Phương pháp về giáo dục quyền con người: Xây dựng môi trường ND-CS-GD hướng tới đảm bảo quyền trẻ em. Tổ chức thực hiện kế hoạch ND-CS-GD vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng để đảm bảo quyền trẻ em. Xây dựng và thực hiện cơ chế phòng ngừa, cảnh báo sớm và xử lý vi phạm quyền con người, quyền trẻ em trong cơ sở GDMN. Tích hợp giáo dục quyền trẻ em cho trẻ mẫu giáo trong hoạt động CSGD trẻ

- Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng sống cho trẻ.

- * Phương pháp giáo dục đối với trẻ khuyết tật học hòa nhập

- Xác định khả năng, nhu cầu của trẻ thông qua đánh giá.

- Tìm hiểu nhu cầu và khả năng của mọi trẻ em.

- Đánh giá sự phát triển của học sinh trong quá trình học tập để điều chỉnh kế hoạch.

- Tạo môi trường vui chơi và học tập bình đẳng.

- Dạy học qua trò chơi.

- Dạy học trực quan- hoạt động trải nghiệm .

- Dạy học phân hóa(theo nhóm năng lực trẻ)

* Phương pháp dạy học đặc thù:

- Phương pháp lặp đi lặp lại nhiều lần.
- Phương pháp AAC (PP trao đổi bằng hình ảnh) PÉC, TEACCH.
- Phương pháp hòa nhập cảm giác.
- Ngoài ra phương pháp tay trong tay, phương pháp tập đọc khẩu hình miệng, phương pháp ABA, phương pháp floor time, phương pháp nhiều hơn lời nói.

3. Hình thức tổ chức:

Tổ chức các hoạt động học, hoạt động chơi, các hoạt động trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ; Tổ chức theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, thực hành trải nghiệm, dạy theo dự án, hình thức tập thể, nhóm, cá nhân....

- Giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ, Ứng dụng công nghệ AI, giáo dục về giới, quyền trẻ em, tăng cường tiếng Việt cho trẻ ...tổ chức thực hiện lồng ghép trong các hoạt động phù hợp với mục tiêu, nội dung

4. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế ở địa phương. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

Thực hiện đại trà 100% lớp đánh giá thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo bộ công cụ, xây dựng bộ công cụ đánh giá các tiêu chuẩn về thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

* Đánh giá trẻ khuyết tật: Thời điểm đánh giá sự tiến bộ của người khuyết tật: Đánh giá sự tiến bộ của người khuyết tật là đánh giá liên tục, thường xuyên. Các thời điểm đánh giá:

- Sau khi kết thúc một hoạt động nào đó.
- Sau khi kết thúc một bài học.
- Sau kết thúc một ngày học.
- Sau kết thúc một tuần học.

- Sau khi kết thúc một chủ điểm.
- Sau nửa học kỳ.
- Sau một học kỳ.
- Sau một năm học

Nhân lực: Nhân viên hỗ trợ giáo dục, giáo viên giữ vai trò chính trong việc cung cấp thông tin về người khuyết tật. Các thành viên khác tham gia thực hiện kế hoạch cung cấp và bổ sung thêm thông tin về đặc điểm của người khuyết tật và các điều kiện thực hiện kế hoạch hỗ trợ. Ban giám hiệu nhà trường tổ chức cuộc họp để các thành viên trong nhóm xây dựng kế hoạch hỗ trợ cùng đánh giá lại việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ.

2.4. Yêu cầu về phương tiện hỗ trợ

* Đối với trẻ: Sử dụng phương pháp quan sát, đàm thoại, trải nghiệm... cần công cụ hỗ trợ: thiết bị máy tính, máy chiếu, đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời phù hợp với phương pháp giáo dục này, học tại các lớp và trải nghiệm ngoài trời, giáo viên có chứng chỉ tin học cơ bản.

* Đối với trẻ khuyết tật:

- Đối với người khuyết tật nói, có thể sử dụng giao tiếp hỗ trợ, thay thế có thiết bị hỗ trợ (ví dụ: thẻ tranh, sách tranh, các thiết bị khác như bảng giao tiếp, máy tính, máy hỗ trợ giao tiếp,...) hoặc giao tiếp hỗ trợ, thay thế không có thiết bị hỗ trợ (như cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, ra hiệu, ngôn ngữ kí hiệu,...).

Các thiết bị hỗ trợ công nghệ cao: máy tính xách tay (người khuyết tật có thể lựa chọn các biểu tượng ảnh, vi deo),...

- *Phương tiện trợ thị quang học*: Kính lúp/ kính phóng đại: Thường dùng để phóng đại các con chữ hoặc vật nhỏ để mắt có thể nhìn được. Người khuyết tật có khó khăn về nhìn có thể sử dụng đồng thời kính trợ thính và kính lúp để nhìn rõ hơn khi cần. Kính lúp thường được người khuyết tật nhìn kém gắn lên giá hoặc đeo dây trước ngực và người khuyết tật đưa sách xuống dưới để phóng to chữ của các cuốn sách in và khổ chữ nhỏ để đọc.

- *Phương tiện trợ thị phi quang học*:

+ Giá đọc sách: Giá đọc sách được thiết kế với chiều cao và độ nghiêng có thể thay đổi để người khuyết tật nhìn có thể đọc dễ hơn mà không phải thay đổi tư thế ngồi.

+ Đèn: Nhiều người khuyết tật nhìn cần ánh sáng nhiều hơn để đọc, viết và sinh hoạt. Đèn sẽ tăng cường độ chiếu sáng nơi

cần thiết để nâng cao khả năng nhìn của người khuyết tật.

+ Sách chữ to: Một số người khuyết tật nhìn kém có thể sử dụng kính trợ thị để sử dụng chữ phổ thông, số khác thì cần học sách với chữ có kích thước to hơn bình thường.

+ Màn che bớt ánh sáng hoặc mũ lưỡi trai cho người khuyết tật quá nhạy cảm với ánh sáng do trẻ sợ ánh sáng mạnh nên cần sắp xếp cho người khuyết tật ngồi nhìn xuôi chiều ánh sáng và dùng tấm màn che bớt ánh sáng hoặc cho người khuyết tật đội mũ lưỡi trai để giảm chói.

- *Phương tiện dùng để nghe*: Sách nói: Sách nói là sách được chuyển đổi từ sách in chữ phổ thông sang bằng cách đọc và ghi âm lại trên băng đĩa. Sau đó dùng các phương tiện như đài cassette, đài đĩa,... để nghe

- Đồ dùng dạy học, chơi có phát ra âm thanh.

III. Điều kiện thực hiện Chương trình

1. Tổ chức và quản lý CSGDMN

Nhà trường có sứ mệnh hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ. Được giao quyền tự chủ chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Điều kiện về cơ sở vật chất, công tác XHHGD phối hợp với các ban ngành đoàn thể, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cùng chung tay thực hiện phát triển nhà trường.

Cơ cấu, bộ máy và hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường MN và quy định của pháp luật.

* Đối với trẻ khuyết tật: Hỗ trợ trẻ khuyết tật bao gồm: Đại diện BGH nhà trường, Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên hỗ trợ người khuyết tật, gia đình người khuyết tật.

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Số lượng, chất lượng, cơ cấu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ theo quy định, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục nhà trường.

3. Yêu cầu về phương tiện hỗ trợ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học

- Địa điểm, diện tích, quy mô trường, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học, thiết bị hiện đại (màn hình tương tác, mích không dây....) bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định có liên quan, đáp ứng được yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

- Sử dụng phương pháp dạy học tích cực lấy trẻ làm trung tâm, chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi phù hợp, xây dựng và mở

rộng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho trẻ được thực hành, trải nghiệm.

- Có các đồ dùng, trang thiết bị hỗ trợ trẻ khuyết tật học hòa nhập phù hợp với các dạng khuyết tật tại trường.

4. Xã hội hóa giáo dục

- Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền, phối hợp với các cá nhân, tổ chức ở địa phương để huy động đa dạng các nguồn lực tham gia vào các hoạt động giáo dục, hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

- Gia đình, cộng đồng có trách nhiệm phối hợp với cơ sở GDMN bảo đảm điều kiện để thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ và chế độ làm việc đối với giáo viên, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN; hỗ trợ trẻ khuyết tật học hòa nhập.

B. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

I. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ.

1. Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản và vận động tinh theo độ tuổi.
- Có một số tổ chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay cài cúc áo, áo cóm, kéo khóa.
- Thích ứng được với các hoạt động thể chất.
- Thực hiện được một số hoạt động tự phục vụ và chăm sóc bản thân.
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2. Phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
- Có một số khái niệm sơ đẳng về toán: kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.

3. Phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt, nhu cầu bản thân.
- Có khả năng cảm nhận và biết hưởng ứng theo vần điệu, nhịp điệu của các bài thơ, bài hát, bản nhạc, lời thoại trong câu chuyện và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Biết thực hiện hành vi văn hóa giao tiếp (chào, tạm biệt, cảm ơn).
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Phân phối thời gian

Thời gian thực học 35 tuần theo quy định chương trình GDMN quốc gia. Khung thời gian năm học của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên:

Học kỳ I: (có 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác): Bắt đầu từ ngày 15/9/2025, kết thúc học kỳ I ngày

(16/01/2026).

Học kỳ II: (có 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác): Bắt đầu từ ngày 19/01/2026, hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II ngày 29/05/2026.

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn hằng năm của Bộ, Sở giáo dục và Đào tạo, UBND Phường Mường Thanh.

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG.

Thời gian (Tháng)	Stt (Tuần)	Chủ đề (từ ngày, tháng... đến ngày, tháng...)	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh bổ sung
9 - 10		Bé vui đến trường (4 tuần, từ ngày 15/9 đến 10/10/2025)	Ổn định lớp, rèn nề nếp cho trẻ	(Từ ngày 3/9 – 12/9)		
	1		Bé yêu cô giáo và các bạn	2 tuần (Từ ngày 15/9- 26/9)		
	2		Tết trung thu	1 tuần (Từ ngày 29/9- 3/10)	Tết trung thu	
	3		Lớp học của bé	1 tuần (Từ ngày 6/10 - 10/10)		
	4					
10	5	Bé giới thiệu về mình (4 tuần, từ ngày 13/10-7/11/2025)	Bé là ai	1 tuần (Từ ngày 13/10 – 17/10)		
	6		Cơ thể diệu kì của bé	2 tuần (Từ ngày 20/10-31/10)		
	7		Bé cần gì để lớn lên, khỏe mạnh	1 tuần (Từ ngày 3/11- 7/11)		
	8					
11	9	Gia đình của bé (4 tuần, từ ngày 10/11-5/12/2025)	Mẹ yêu của bé	1 tuần (Từ ngày 10/11- 14/11)		
	10		Ngày hội của cô giáo	1 tuần (Từ ngày 17/11- 21/11)	Ngày 20/11	

	11		Những người thân yêu trong gia đình bé	1 tuần (Từ ngày 24/11-28/11)		
	12		Đồ dùng trong gia đình bé	1 tuần (Từ ngày 1/12- 5/12)		
12	13	Đồ dùng, đồ chơi của bé (4 tuần, từ ngày 8/12/2025- 2/1/2026)	Đồ chơi yêu thích của bé	2 tuần (Từ ngày (8/12- 19/12)		
	14		Đồ dùng của bé	2 tuần (Từ ngày 22/12- 2/1/2026)	Tết dương lịch	
	15					
	16					
1	17	Những con vật đáng yêu (4 tuần, từ ngày 5/1-30/1/2026)	Con vật trong gia đình	2 tuần (Từ ngày 5/1 - 16/1)		
	18		Con vật sống dưới nước	1 tuần (Từ ngày 19/1 - 23/1)		
	19					
	20					
2	21	Tết và mùa xuân (3 tuần, từ ngày 2/2-27/2/2026)	Ngày tết vui vẻ	2 tuần (Từ ngày 2/2 - 13/2)	Tết Nguyên đán	
	22					
			(Từ ngày 16/2 – 20/2) NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN			
	23		Mùa xuân tươi đẹp	1 tuần (Từ ngày 23/2 - 27/2)		
3	24	Bé yêu cây xanh (4 tuần, từ ngày 2/3-27/3/2026)	Ngày 8/3	1 tuần (Từ ngày 2/3 – 6/3)	Ngày 8/3	
	25		Lễ hội Hoa Ban	1 tuần (Từ ngày 9/3– 13/3)	Lễ hội Hoa ban	
	26		Một số loại rau	1 tuần (Từ ngày 16/3-20/3)		

	27		Một số loại quả	1 tuần (từ ngày 23/3 – 27/3)		
4	28	PTGT (4 tuần, từ ngày 30/3-24/4/2026)	PTGT đường bộ	2 tuần (Từ ngày 30/3 – 10/4)		
	29		PTGT đường thủy	1 tuần (Từ ngày 13/4 – 17/4)		
	30					
	31		Máy bay, tàu hỏa	1 tuần (Từ ngày 20/4 – 24/4)		
4-5		Mùa hè đến (4 tuần, từ ngày 27/4-29/5/2026)	Ôn tập	Từ ngày (27/4-1/5/2026)	Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương (10/3) và 30/4; 1/5	
	32		Mùa hè đến rồi	2 tuần (Từ ngày 4/5 – 15/5)		
	33		Bé lên mẫu giáo	2 tuần (Từ ngày 18/5 – 29/5)		
	34					
	35					

II. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí của trẻ, qua đó hình thành những nề nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.

- Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ nhà trẻ:

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính

140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

III. NỘI DUNG

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

1.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
24 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

- + *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 lít – 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.”;

1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức ngủ cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút

1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng đồ chơi, giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải

1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kì. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp

2. Giáo dục

2.1 Giáo dục phát triển thể chất

a. Giáo dục phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp
- Các vận động cơ bản và phát triển tổ chức vận động ban đầu
- Các cử động bàn tay, ngón tay

Nội dung	24 - 36 tháng tuổi
1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Hô hấp: Tập hít vào, thở ra: thổi bóng, gà trống gáy, thổi nơ, còi tàu...
	- Tay: + Hai tay giơ cao (lắc bàn tay), hạ xuống + Đưa tay sang ngang (lắc bàn tay), hạ xuống + Đưa 2 tay ra phía trước kết hợp lắc bàn tay, + Đưa 2 tay ra sau kết hợp với lắc bàn tay + Đưa 2 tay lên cao, sang ngang kết hợp với lắc bàn tay + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau
	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Nghiêng người sang phải, trái

	+ Vặn người sang 2 bên + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên + Ngửa người ra phía sau + Gà mổ thóc
	- Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân + Đứng nhún chân + Bật tại chỗ
2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	* Bò, trườn: - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bò qua vật cản - <i>Trườn chui qua cổng</i> - Trườn qua vật cản - <i>Bò thẳng hướng theo đường hẹp</i>
	* Tập đi, chạy: - <i>Đi thay đổi tốc độ nhanh chậm theo cô</i> - Đi theo hiệu lệnh - Đi trong đường hẹp - Đi có mang đồ chơi trên tay - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay - <i>Chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo cô</i> - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng - Đứng co 1 chân - Đá bóng
	* Nhún bật - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ

	- <i>Bật xa bằng 2 chân</i> - <i>Nhún bật về phía trước</i>
	* Tung, bắt - Tung bắt “bóng” cùng cô ở khoảng cách 1m - <i>Tung bóng qua dây</i> * Ném - Ném xa lên phía trước bằng 1 tay - Ném bóng về phía trước bằng 1 tay tối thiểu 1,5m - Ném bóng vào đích 1-1,2m
3. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé - Tô vẽ nguệch ngoạc - <i>Nhào đất nặn;</i> - Nhón nhặt đồ vật. - Đóng cọc bàn gỗ - Chắp ghép hình - Xếp chồng các hình khối khác nhau Trải nghiệm xếp chồng, lắp ráp, xây dựng bằng khối gỗ, lego lớn, hộp carton - Lật mở trang sách - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nề nếp thói quen trong sinh hoạt
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn

Nội dung	24 - 36 tháng tuổi
-----------------	---------------------------

1. Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau của địa phương: cá, thịt lợn, thịt bò, rau, canh... - <i>Ăn uống theo nhu cầu, có đầy đủ nước sạch</i> - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa 140 -150 phút. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh
2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Đi dép, đi vệ sinh + Chuẩn bị chỗ ngủ: lấy gối. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn; + Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - <i>Đội mũ khi ra nắng, biết nắng làm mình bị ốm</i> - <i>Đi giày dép (Kĩ năng đi dép đúng chiều)</i> - <i>Mặc quần áo và sức khỏe trang phục phù hợp với thời tiết để bảo vệ sức khỏe</i>
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng... - Nhận biết những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần ở trường lớp mầm non: <i>(Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước....)</i> - <i>Biết cần tránh xa khu vực nguy hiểm: Cây to, cột điện dốc, đất đá, khu vực nước sâu, sông suối, dòng nước chảy siết....</i> - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh <i>(leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn , chọc phá các con vật, không lại gần các con thú dữ, chơi ở lòng đường xe chạy, đùa nghịch trên xe...)</i>

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a. Luyện tập và phối hợp các giác quan

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác

b. Nhận biết

- Một số bộ phận cơ thể của người.

- Một số đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ
- Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ
- Một số màu cơ bản, khúc giác, hình dạng, số lượng vị trí không gian so với bản thân trẻ
- Bản thân và những người gần gũi

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	24 - 36 tháng tuổi
1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác	- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... để nhận biết đặc điểm nổi bật tên gọi, màu sắc, hình dạng, mùi vị ... của đồ vật, hoa, quả quen thuộc: bàn, ghế, quả chuối, cam, hoa hồng, hoa cúc... - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nếm vị của một số thức ăn: canh, món xào, món luộc (mặn, chua)..., quả (ngọt, chua)
2. Nhận biết: - Một số bộ phận của cơ thể con người - Một số đồ dùng, đồ chơi. - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc - Một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. <i>Một số cảm xúc của bản thân và người khác</i> - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc có kích cỡ khác nhau. - <i>Biết yêu quý, giữ gìn đồ dùng, đồ chơi</i> - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc. <i>không ngắt bẻ cành, hoa, lá cây, đánh, đập vào thân cây</i> - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc. - <i>Khám phá mưa, gió, ánh sáng, bóng tối, nước – đất – cát.</i> - <i>Tên và một số đặc điểm thời tiết theo mùa.</i>
- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian	- Nhận biết màu đỏ, xanh, vàng + Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên- dưới - trước - sau) so với bản thân trẻ - Số lượng(một - nhiều)

- Bản thân, người gần gũi	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp. - <i>Bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi</i> - <i>Yêu quý người thân trong gia đình, bạn bè.</i>
---------------------------	--

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a. Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi

b. Nói

- Phát âm các âm khác nhau
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c. Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	24 - 36 tháng tuổi
1. Nghe	- Nghe lời nói, sắc thái, tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói - Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?” - Lắng nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn - <i>Nghe truyện ngắn.</i> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách
2. Nói	<i>Phát âm các âm khác nhau</i> - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? Làm gì? ở đâu...? Thế nào? Để làm gì? Tại sao? <i>Trả lời các câu hỏi đơn giản về cảm</i>

	<i>xúc của bản thân</i> - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài+, <i>nói được cảm xúc đơn giản (vui, buồn, sợ, thích) của bản thân.</i> - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý từ cô giáo
3. Làm quen với sách	- Chú ý lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.

4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a. Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b. Phát triển kỹ năng xã hội

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt

c. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc
- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	24 - 36 tháng tuổi
1. Phát triển tình cảm - Ý thức về bản thân	- Tên, tuổi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - <i>Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản thân và người khác</i> - Sở thích của bản thân (đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình) - Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô

- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận - <i>Bộc lộ cảm xúc, thái độ của bản thân</i>
2. Phát triển kỹ năng xã hội - MQH tích cực với con người và sự vật gần gũi.	- Giao tiếp với những người xung quanh - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào cấu bạn - <i>Chơi vui vẻ với tất cả các bạn và người khác</i>
	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi - Biết bảo vệ môi trường sống của các vật dưới nước: Không vứt rác, túi ni lông, chất bẩn, hóa chất xuống nước
- Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định, - Sử dụng đồ dùng đồ chơi - <i>Giữ gìn và cất đồ chơi đúng nơi quy định</i>
3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ - Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau - Nghe, âm thanh của các nhạc cụ - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - <i>Tự do lựa chọn nhảy múa theo cách mà trẻ cảm nhận được từ giai điệu của bài hát, bản nhạc</i>
- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh	- Vẽ các đường nét khác nhau, cầm bút di màu, - Nặn. Xé, Vò. Xếp hình. Xem tranh

IV. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

1. Giáo dục phát triển thể chất

Kết quả mong đợi	25-36 tháng	Ghi chú
a. Phát triển vận động		
1. Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát	2.1. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc	

triển tổ chất vận động cơ bản	độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay	
	2.2. Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném bóng vào đích xa 1-1,2m 2.3. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng 2.4. Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	3.1. Trẻ thực hiện được vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”. 3.2. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: Nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ; cài cời cúc áo, áo cóm, kéo khóa ; lật mở trang sách	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Có một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt	1.1. Trẻ thích nghi được với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. 1.2. Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa 1.3. Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...). 2.2 Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh 2.3 <i>Biết mặc quần áo và sức khỏe trang phục phù hợp với thời tiết để bảo vệ sức khỏe</i>	
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. 3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can,	

	chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở <i>3.3 Biết cần tránh xa khu vực nguy hiểm: Cây to, cột điện dốc, đất đá, khu vực nước sâu, sông suối, dòng nước chảy siết....</i>	
--	--	--

2. Giáo dục phát triển nhận thức

1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	1.1. Sờ nắn, nhìn, nghe ngửi, nếm để nhận biết được đặc điểm nổi bật của đối tượng	
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi	2.1. Chơi bắt chước được một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. <i>2.2 Biết yêu quý, giữ gìn đồ dùng, đồ chơi</i> 2.3. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi <i>2.4 Bắt chước được một số hành động quen thuộc của những người gần gũi</i> <i>2.5 Yêu quý người thân trong gia đình, bạn bè.</i> 2.6. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. 2.7. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, con vật quen thuộc, tên của thời tiết theo mùa 2.8. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu 2.9. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ, hình vuông, tròn, trên-dưới, trước-sau theo yêu cầu. <i>2.10. Biết được mưa, gió, ánh sáng, bóng tối, nước – đất – cát.</i> <i>2.11. Biết tên và một số đặc điểm thời tiết theo mùa.</i>	

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói	1.1 Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay. 1.2. Trả lời các câu hỏi : con gì? thế nào? ở đâu? để làm gì?... (ví dụ: con gà gáy thế nào?"...) 1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài	
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	2.1. Phát âm rõ các tiếng 2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. 3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Diễn đạt suy nghĩ + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: cái gì đây? để làm gì... + <i>Nói được cảm xúc đơn giản (vui, buồn, sợ, thích) của bản thân.</i> + <i>Trả lời được các câu hỏi đơn giản về cảm xúc của bản thân</i> 3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	

4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

1. Biểu lộ sự nhận thức của bản thân	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi). 1.2. Thể hiện điều mình thích và không thích 1.3 <i>Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản thân và người khác</i>	
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. 2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, 2.3 Biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. qua nét mặt, cử chỉ. 2.4 Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi	
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ, ạ. 3.2. Biết thể hiện được một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). 3.3 <i>Biết giữ gìn và cất đồ chơi đúng nơi quy định</i> 3.4. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác. 3.5 <i>Biết chơi vui vẻ với tất cả các bạn và người khác</i> 3.6. Thực hiện được một số yêu cầu của người lớn	
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc 4.2 <i>Biết nhảy múa theo cách mà trẻ cảm nhận được từ giai điệu của bài hát, bản nhạc</i> 4.3. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệt lịch ngược).	

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1.1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi

1.2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12-36 tháng tuổi

1.3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt) trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian

1.4. Hoạt động chơi – tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch với sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ

1.5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

2.2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

2.3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

3. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

3.1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thoải mái nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

3.2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thoải mái nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3.3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

3.4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

3.5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá

nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1.1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hỷ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi

1.2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12-36 tháng tuổi

1.3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt) trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian

1.4. Hoạt động chơi – tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch với sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ

1.5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

2.2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

2.3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

3. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

3.1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thoải mái nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

3.2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thoải mái nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3.3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

3.4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

3.5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá

nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

4. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

4.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.

+ Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

4.2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

2. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

2.1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6,12,18,24, 36) dựa vào kết quả mong đợi
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

C. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

I. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, Kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

1. Phát triển thể chất

- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi bàn tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2. Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý ghi nhớ có chủ.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

3. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người sự vật hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia , trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

5. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình
- Yêu thích hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Phân phối thời gian

- Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ.

- Thời điểm nghỉ hè, các ngày lễ tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quyết định số 1812/QĐ-UBND, ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;, cụ thể như sau:

- Học kỳ I: Ngày bắt đầu học kỳ: 15/9/2025, ngày kết thúc học kỳ: 16/1/2026 (có 18 tuần thực học).
- Học kỳ II: Ngày bắt đầu học kỳ: 19/01/2026, ngày kết thúc học kỳ: 29/5/2026 (có 17 tuần thực học).
- Ngày kết thúc năm học: Trước ngày 31/5/2026

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ MẪU GIÁO 3-4 TUỔI.

ST T	Chủ đề	Tuần	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
	Ổn định nề nếp 1 tuần (Từ 1/9- 5/9)		Đón trẻ, ổn định, Trải nghiệm Ngày khai giảng thứ 6 (5/9/2025)		Thứ 2,3 nghỉ lễ Quốc Khánh 2/9	
	Ổn định nề nếp 1 tuần (Từ 8/9- 12/9)		Các lớp tổ chức các hoạt động cho trẻ ổn định nề nếp, làm quen cô quen bạn...			
Bé vui đến trường (4 tuần) Từ 15/9 đến		1	Trường Mầm non thân yêu	1 tuần (15/9-19/9)		
		2	Lớp học của bé	1 tuần (22-26/9)		
		3	Tết trung thu	1 Tuần (29/9-3/10)		

1	10/10/2025	4	Đồ dùng đồ chơi của bé	1 Tuần (6/10-10/10)	Thứ 2 (6/10) Tết trung thu	
2	Bản thân- Tết trung thu (3 tuần) từ 13/10 đến 31/10/2025	5	Bạn có biết tên tôi- cơ thể của bé	1 tuần (13/10-17/10)		
		6	Cảm xúc của bé	1 tuần (20/10-24/10)	Ngày Phụ nữ VN, Thứ 2 (20/10)	
		7	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần (27/10-31/10)		
3	Gia đình của bé - Ngày 20/11 (4 tuần) từ 03/11 đến 28/11/2025	8	Những người thân yêu của bé	1 tuần (Từ 3/11-7/11)		
		9	Ngôi nhà bé yêu	1 tuần (10/11-14/11)		
		10	Ngày hội của cô giáo	1 tuần (17/11-21/11)	Ngày Nhà giáo Việt Nam, Thứ 5 (20/11)	
		11	Đồ dùng gia đình bé	1 tuần (24/11-28/11)		
4	Ngành nghề bé yêu (4 tuần) từ 01/12 đến 26/12/2025	12	Nghề sản xuất	1 tuần (1/12-5/12)		
		13	Nghề xây dựng	1 tuần (8/12-12/12)		
		14	Nghề Bác sỹ	1 tuần (15/12-19/12)		
		15	Bé tập làm chủ bộ đội	1 tuần (22/12-26/12)	Thứ 2, Ngày 22/12 ngày TLQĐNDVN	
5	Những con vật bé yêu- (3 tuần) từ 29/12 đến 16/1/2026	16	Một số con vật nuôi trong gia đình	1 tuần (29/12/2025 - 2/01/2026)	Nghỉ tết dương lịch thứ 5 (01/01/2026)	
		17	Một số con vật sống trong rừng	1 tuần (5/1- 9/1)		
		18	Một số con vật sống dưới nước	1 tuần (12/1-16/1)	Sơ kết kỳ I, thứ 6 (16/01/2026)	
6	Thực vật - Tết Nguyên Đán (5 tuần) từ 19/01 đến 27/02/2025	19	Một số loại Cây	1 tuần (19/1-23/1)		
		20	Dinh dưỡng, sức khỏe	1 tuần (26/1-30/1)		
		21	Một số loại hoa	1 tuần (02/2-06/02)		
		22	Tết nguyên đán	1 tuần (09/2-13/2)		

		Nghỉ tết Nguyên Đán từ ngày 16-20/2/2026				
		23	Một số loại củ, quả	1 tuần (23/2-27/2)		
7	Giao thông- Ngày 8/3 (4 tuần) từ ngày 02/3 đến 27/03/2026	24	Ngày 8/3 QTPN	1 tuần (02/3-6/3)	Chủ nhật, ngày 8/3 Quốc tế PN VN	
		25	Một số PTGT đường bộ và quy định GT đường bộ	1 tuần (09/3-13/3)		
		26	Một số PTGT đường thủy	1 tuần (16/3-20/3)		
		27	M.số PTGT đường hàng không	1 tuần (23/3-27/3)		
8	Nước và HTTN (4 tuần) từ ngày 30/3 đến 24/04/2026	28	Nước thật đáng quý	1 tuần (30/3-3/4)		
		29	Một số hiện tượng tự nhiên	1 tuần (6/4-10/4)		
		30	Mùa hè kỳ diệu	1 tuần (13/4-17/4)		
		31	Bé biết gì về đất, đá, cát, sỏi	1 tuần (20/4-24/4)		
Ôn ngày 28,29/4				1 tuần(27/4-01/5)	Thứ 2 (27/4) nghỉ bù giỗ tổ Hùng Vương, Thứ 5, 6 Nghỉ 30/4, 1/5	
9	Quê hương - Bác Hồ (4 tuần) từ ngày 04/5 đến 29/5/2026	32	Chiến thắng ĐBP 7/5	1 Tuần (4/5-8/5)	Thứ 5 (7/5) Chiến thắng ĐBP	
		33	Quê hương Điện Biên	1 Tuần (11/4- 15/5)		
		34	Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1 Tuần(18/5-22/5)	Thứ 3 (19/5) Ngày sinh nhật Bác Hồ	
		35	Cờ tổ quốc.	1 Tuần(25/5-29/5)	29/5 tổng kết năm học	
			Tổng	35		

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ KHỐI MG 4-5 TUỔI.

Thời gian (tháng, từ ngày ..đến ngày...)	S TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
(3 tuần) Từ ngày 15/09 đến 03/10/2025	1	Trường mầm non – Tết Trung thu	ổn định nề nếp	(Từ 03/9-12/9)	Thứ 3 Quốc Khánh ngày 2/9	
			Trường MN - Lớp học của bé	1 tuần (15/9-19/9)		
			Đồ dùng đồ chơi của lớp	1 tuần (22/9-26/9)		
			Tết trung thu	1 tuần (29/9-03/10)		
(4 tuần) từ ngày 06/10 đến 31/10/2025	2	Bản thân	Bạn có biết tên tôi	1 tuần (06/10-10/10)	Tết trung thu: Thứ 2 (6/10)	
			Cơ thể diệu kỳ của bé	1 Tuần (13/10-17/10)		
			Cảm xúc của bé	1 tuần (20/10-24/10)	Ngày Phụ nữ VN 20/10	
			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần (27/10-31/10)		
(4 tuần) từ ngày 03/11 đến 28/11/2025	3	Gia đình – Ngày hội của cô giáo	Những người thân yêu của bé	1 tuần (03/11-07/11)		
			Ngôi nhà bé yêu	1 tuần (Từ 10/11-14/11)		
			Ngày hội của cô giáo	1 tuần (17/11- 21/11)	20/11. Ngày nhà giáo VN	
			Đồ dùng gia đình bé	1 tuần (24/11-28/11)		

(4 tuần) từ ngày 01/12 đến 26/12	4	Các nghề phổ biến - Ngày 22/12	Nghề sản xuất	1 tuần (01/12-05/12)		
			Nghề xây dựng	1 tuần (08/12-12/12)		
			Bé tập làm bác sỹ	1 tuần (15/12-19/12)		
			Bé tập làm chú bộ đội	1 tuần (22/12-26/12)	Ngày TLQĐNDVN 22/12	
(4 tuần) từ ngày 29/12/2025 đến 23/01/2026	5	Thể giới động vật	Một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm)	1 Tuần (29/12/2025-02/01/2026)	Nghỉ tết dương lịch thứ 5 (1/1/2026)	
			Một số con vật nuôi trong gia đình (gia súc)	1 Tuần (05/01 - 09/01/2026)		
			Một số con vật sống trong rừng	1 Tuần (12/01-16/01/2026)	Tuần 18 kết thúc HK1 (16/01/2026)	
			Một số con vật sống dưới nước	1 tuần (19/01-23/01/2026)		
(4 tuần) từ ngày 26/1 đến 27/02/2026	6	Thể giới thực vật - Tết Nguyên Đán	Cây xanh	1 Tuần (26/01 - 30/01/2026)		
			Một số loại hoa, quả	1 Tuần (02/02-06/02/2026)		
			Tết và mùa xuân	1 Tuần (09/2 - 13/02/2026)	.	
			Nghỉ tết nguyên đán	Từ (16/2- 20/02/2026)	Nghỉ tết Nguyên đán	

			Một số loại rau	1 tuần (23/02-27/02/2026)		
(4 tuần) từ ngày 02/03 đến 27/03/2026	7	Phương tiện và quy định giao thông.- Ngày hội mừng 8/3 – Lễ Hội hoa ban	Ngày hội 8/3	1 tuần (02/03-06/03/2026)	Ngày phụ nữ 8/3	
			LỄ HỘI HOA BAN	1 tuần (09/3-13/03/2026)	Lễ hội Hoa ban	
			Một số PTGT đường bộ	1 tuần (16/3-20/3/2026)		
			Một số PTGT đường hàng không	1 tuần (23/03-27/3/2026)		
(4 tuần) từ ngày 30/03 đến 01/05/2026	8	Nước và các hiện tượng tự nhiên	Nước thật đáng quý	1 tuần (30/03-03/4/2026)		
			Một số hiện tượng tự nhiên	1 tuần (06/4-10/4/2026)		
			Mùa hè kỳ diệu	1 tuần (13/4-17/4/2026)		
			Đất, cát. Đá, sỏi	1 tuần (20/04-24/04/2026)		
			Ôn tập	Tuần (27/04-01/05/2025) Thứ 3, thứ 4 tổ chức ôn tập	- Thứ 2 Ngày 27/4 nghỉ giỗ tổ Hùng vương - Thứ 5, 6(30/4 và 1/5 nghỉ lễ	

(4 tuần) từ ngày 04/05 đến 29/05/2026	9	Quê hương – Bác Hồ	Giải phóng Điện Biên (di tích lịch sử)	1 tuần (04/05- 08/05/2026)	Kỷ niệm chiến thắng Lịch sử ĐBP (7/5)	
			Quê hương điện biên (danh Lam thắng cảnh Điện Biên)	1 tuần (11/05- 15/5/2026)		
			Bác Hồ kính yêu	1 Tuần (18/5- 22/5/2026)		
			Thủ đô Hà Nội	1 Tuần (25/5- 29/5/2026)		
			Tổng	35		

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ KHỐI MG 5-6 TUỔI

Thời gian (Tháng)	STT	Chủ đề (từ ngày, tháng... đến ngày, tháng...)	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện	Lễ hội	Điều chỉnh bổ sung
9 -10		Ổn định nề nếp 1 tuần(Từ ngày 1/9-5/9)	Ổn định nề nếp			
		Ổn định nề nếp 1 tuần(Từ ngày 8/9- 12/9)	Ổn định nề nếp			
	1	Trường MN của bé (4 tuần, từ ngày 15/9 - 10/10/2025)	Lớp học của bé	1 tuần (15/9-19/9)		
	2		Trường MN của bé	1 tuần (22-26/9)		
	3		Dự án tết trung thu	1 Tuần (29/9-3/10)	Tết trung thu	
	4		Đồ dùng đồ chơi của lớp	1 Tuần (6/10-10/10)		
10	5	Bé giới thiệu về mình (3 tuần, từ ngày 13/10-	Tôi là ai	1 tuần (15/9-19/9)		
	6		Cơ thể diệu kì của bé	1 tuần (22-26/9)		

		31/10/2025)				
	7		Bé cần gì để lớn lên, khỏe mạnh	1 Tuần (29/9-3/10)		
11	8	Gia đình của bé (4 tuần, từ ngày 3/11-28/11/2025)	Gia đình bé	1 Tuần (6/10-10/10)		
	9		Ngôi nhà bé yêu	1 tuần (13/10-17/10)		
	10		Ngày hội của các cô	1 tuần (20/10-24/10)	Ngày 20/11	
	11		Nhu cầu gia đình	1 tuần (27/10-31/10)		
12	12	Một số nghề gần gũi (4 tuần, từ ngày 01/12-26/12/2025)	Nghề Bác sĩ	1 tuần (Từ 3/11-7/11)		
	13		Nghề xây dựng	1 tuần (10/11-14/11)		
	14		Một số nghề truyền thống ở địa phương	1 tuần (17/11-21/11)		
	15		Chú bộ đội	1 tuần (24/11-28/11)	Ngày 22/12	
12 -01	16	Những con vật đáng yêu (4 tuần, từ ngày 29/12/2025-23/01/2026)	Một số con vật sống trong gia đình	1 tuần (1/12-5/12)	Tết dương lịch	
	17		Một số con vật sống dưới nước	1 tuần (8/12-12/12)		
	18		Một số con vật sống trong rừng	1 tuần (15/12-19/12)		
	19		Một số con côn trùng (Con Bướm)	1 tuần (22/12-26/12)		
01- 02	20	Thực vật - Tết và mùa xuân (4 tuần, từ ngày 26/1/ -27/02/2026)	Cây xanh và môi trường sống	1 tuần (29/12 -2/01)		
	21		Mùa xuân	1 tuần (5/1- 9/1)		
	22		Dự án: Bé vui đón tết	1 tuần (12/1-16/1)		
			Nghỉ tết nguyên đán	16-20/2/2026	Tết cổ truyền	

	23		Một số loại rau	1 tuần (23/2-27/2)		
03	24	Quy định và phương tiện giao thông (4 tuần, từ ngày 2/3-27/03/2026)	Lễ hội hoa ban - Phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt	1 tuần (23/2-27/2)		
	25		Phương tiện giao thông đường thủy	1 tuần (02/3-6/3)		
	26		Phương tiện giao thông đường hàng không	1 tuần (09/3-13/3)		
	27		Quy định giao thông	1 tuần (16/3-20/3)		
04 - 05	28	Hiện tượng tự nhiên - mùa hè (4 tuần, từ ngày 30/3 – 01/5/2026)	Nước	1 tuần (23/3-27/3)		
	29		Hiện tượng tự nhiên	1 tuần (30/3-3/4)		
	30		HTTN- Ngày và đêm	1 tuần (6/4-10/4)		
	31		Mùa hè	1 tuần (13/4-17/4)		
			Ôn	1 tuần (20/4-24/4)	Nghỉ bù Giỗ tổ Hùng Vương; 30/4 và 1/5	
05	32	Quê hương- đất nước - Trường tiểu học (4 tuần, từ ngày 4/5 - 29/5/2026)	Quê hương	1 tuần(27/4-01/5)		
	33		Đất nước	1 Tuần (4/5-8/5)		
	34		Bác Hồ	1 Tuần (11/4- 15/5)		
	35		Trường tiểu học	1 Tuần(18/5-22/5)		
Tổng				35		

II. Chế độ sinh hoạt

- Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm và sinh lí của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp, thói quen và những kĩ năng sống tích cực.

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
 - Ngủ: 1 giấc trưa.
- Chế độ sinh hoạt cho trẻ mẫu giáo:

Thời gian	Hoạt động
80 – 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 – 40 phút	Học
40 – 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 – 40 phút	Chơi ngoài trời
60 – 70 phút	Ăn bữa chính
140 – 150 phút	Ngủ
20 – 30 phút	Ăn bữa phụ
70 – 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 – 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

III. NỘI DUNG

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

1.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của một trẻ trong một ngày là: 1230 – 1320 Kcal.*
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của một trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726*

Kcal

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.
 - + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày.
 - + *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*
- Chất đạm (protit) cung cấp khoảng 13%-20% năng lượng khẩu phần.
 Chất béo (lipit) cung cấp khoảng 25%-35% năng lượng khẩu phần.
 Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%-60% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: Khoảng 1,6 – 2,0 lít/ trẻ / ngày (kể cả nước trong thức ăn).
 - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

- Thực hiện mô hình: “Bữa ăn đủ dinh dưỡng trong trường mầm non”, “Vườn rau sạch cho bé”, tuần lễ dinh dưỡng cho trẻ tại trường.

1.2. Tổ chức ngủ

- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (140 – 150 phút)

1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

- Lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì. Tăng cường lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ em trong trường.

2. Giáo dục

2.1. Giáo dục phát triển thể chất

- Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a. Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.

- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. Gà gáy. Thổi nơ ...		
	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay).	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).

	trước ngực.	+ Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).	+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân, 2 tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao).
	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải.	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải.	- Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái.. + Nghiêng người sang 2 bên kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải sang trái.
	- Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân	- Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối	- Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về sau
2. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	- Đi và chạy: + Đi trong đường hẹp (3m*0,2m) + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi kiễng gót liên tục 3m + Đi, thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi thay đổi hướng theo đường đích đặt.	- Đi và chạy: + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi . + Đi, chạy đích đặt (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy chậm 60-80m. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	- Đi và chạy: + Đi khụy gối. + Đi bằng mép ngoài bàn chân. + Đi trên dây (Dây đặt trên sàn) + Đi trên ván kê dốc + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi trên ghế thể dục (2m*0,25m) không làm rơi vật đang đội trên đầu + Đứng 1 chân và giữ thẳng bằng người trong 10 giây + Đi thay đổi tốc độ, hướng đích đặt theo

+ Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. + Chạy được liên tục 15m theo hướng thẳng.		- hiệu lệnh + Chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh + Chạy chậm khoảng 100-120m. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây
- Bò, trườn, trèo: + Bò trong đường hẹp(3m x 0,4m) + Trườn theo hướng thẳng + Bò theo hướng thẳng + Bò theo hướng đích dắc. + Trườn theo hướng đích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên xuống bậc cao (cao 30 cm)	- Bò, trườn, trèo: + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Bò thấp chui qua cổng	- Bò, trườn, trèo: +Bò bằng bàn tay bàn chân 4-5m. + Bò đích dắc qua 7 điểm + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. +Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1.5mx30 cm +Trèo lên, xuống 7 gióng thang
- Tung, ném, bắt: + Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. + Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. + Lăn bóng với cô. + Đập và bắt bóng với cô + Tung bắt bóng với cô + Tung bóng cho cô + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng hai tay + Ném trúng bằng 1 tay(đích ngang).	- Tung, ném, bắt: + Tung bắt bóng với người đối diện. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân + Ném trúng đích bằng 1 tay (đích đứng) + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay + Ném trúng đích bằng 1 tay (đích ngang)	- Tung, ném, bắt: +Tung bóng lên cao và bắt bóng +Ném trúng đích bằng 1 tay + Ném trúng đích bằng 2 tay + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách xa 4m). + Đi và đập bắt bóng + Đập bắt bóng tại chỗ + Chuyên bắt bóng qua đầu, qua chân
- Bật - nhảy:	- Bật - nhảy:	- Bật - nhảy:

	+ Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm.	+ Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m.	+ Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40-50cm. + Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm. + Bật tách khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15-20 cm + Nhảy lò cò 5m. + Đá bóng vào gôn
3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	+ Xoay tròn cổ tay + Gập, đan các ngón tay vào nhau, Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. + Đan, tết. + Xé, dán giấy. + Xếp chồng các hình khối khác nhau. + Sử dụng kéo, bút + Tô vẽ nguệch ngoạc. + Cài, cởi cúc.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ... - Gập giấy. - Tô, vẽ hình. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.	- Các cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Bẻ, nắn - Lắp ráp - Đan nong một - Cởi cúc áo cóm - Tô đồ theo nét - Tô kín màu không chồm ra ngoài

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc tại trường mầm non và tại địa phương. (Dân tộc Thái, Khơ mú...).	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn của địa phương (1 số món ăn của dân tộc Thái, Khơ Mú, Tày, Nùng ...)	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Nhận biết một số (Rau, củ, quả gần gũi) thực phẩm, đặc trưng của dân tộc Thái, Khơ Mú... - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống

	-- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. (Thông qua các món ăn và bữa ăn hàng ngày tại trường mầm non). - Nhận biết “Bữa ăn đủ dinh dưỡng trong trường mầm non. - Nhận biết “Vườn rau sạch cho bé” - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng...).		
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng, sát khuẩn tay bằng nước sát khuẩn - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Thay quần áo khi bị bẩn - Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn	Tập luyện kĩ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng, rửa tay đúng cách để phòng chống dịch bệnh - Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. Mặc trang phục dân tộc Thái.
	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo
3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		
	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể: Ra ngoài đeo khẩu trang, sát khuẩn tay, giữ khoảng cách vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.		
	- Nhận biết trang phục theo thời tiết.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết, cách mặc trang phục thái, xá - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, ho, sốt, đau họng và cách phòng tránh đơn giản. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, khi mắc bệnh nguyên nhân và cách phòng tránh. - Che miệng khi ho, hắt hơi + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh nhân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con

		người + Không tụ tập nơi đông người, đeo khẩu trang khi đi ra ngoài, không khạc nhổ bừa bãi.
- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng + Nhận biết khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ		- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Kỹ năng phó phù hợp với trước, trong và sau thiên tai - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép. - Một số luật lệ biên báo giao thông đơn giản, gần gũi...
- Nhận biết được một số nguồn lửa (bếp ga, bếp củi) và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ (bếp ga, ổ điện...) - Biết cách phòng tránh một số nguồn lửa (bếp ga, bếp củi) và một số sự cố có thể gây cháy, nổ - Nhận biết các tín hiệu (còi báo động), phương tiện chữa cháy (bình chữa cháy, thùng đựng nước...) và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.	- Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ. - Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ. - Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.	

2.2. Phát triển nhận thức

a. Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo qui tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.
- *Đếm từ 1-10 bằng Tiếng Anh*

c. Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

a) Khám phá khoa học

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Các bộ phận của cơ thể con người	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	
2. Đồ vật:	- Đặc điểm nổi bật, công dụng,	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. <i>Nhận biết một số đồ</i>	

thực vật	con vật, cây, hoa, quả quen thuộc ở địa phương	cây, hoa, quả gần gũi ở địa phương, ích lợi và tác hại đối với con người.	cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật, theo một dấu hiệu - Chơi phân loại: (TC Kisdmart)	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật, đồ dùng đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
	- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống (mưa đá, hạn hán, lũ...)	
	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. (quen thuộc với trẻ theo bối cảnh địa phương)	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối, bảo vệ rừng	
4. Một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết, mùa	Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, hiện tượng tự nhiên đặc trưng của địa phương và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Gọi tên các biểu hiện biến đổi khí hậu thời tiết nóng, lạnh các loại thiên tai hay xảy ra của địa phương, hậu quả của thiên tai, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai... - Ứng dụng phương pháp dạy học STEAM: Quan sát, đặt câu hỏi, thử nghiệm, rút ra kết luận đơn giản từ các hiện tượng gần gũi	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người ở Điện Biên (mưa đá, động đất, gió lốc, hạn hán...) - <i>Biểu hiện, nguyên nhân cơ bản của biến đổi khí hậu, ảnh hưởng cơ bản của biến đổi khí hậu với con người và động thực vật, các loại thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam. Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai, nguyên nhân và một số hậu quả cơ bản của thiên tai thường xảy ra ở địa phương, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai.</i>	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. (mưa đá, động đất, gió lốc, hạn hán...) - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
Nước	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống (sông, suối, khe...). - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống (sông, suối, khe...). - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây
		- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	
Không khí, ánh sáng,	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	
Đất đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. (Gắn gũi với trẻ theo bối cảnh địa phương)		
Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình....		Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình	
Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình			- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình...

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Tập hợp,	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	

số lượng, số thứ tự và đếm	5 và đếm theo khả năng.	- Đếm đến 10 bằng tiếng Anh	
	- 1 và nhiều.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. <i>- Số thứ tự bằng tiếng anh</i>
	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.		- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	
2. Xếp tương ứng	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
3. So sánh, sắp xếp theo qui tắc	- So sánh 2 đối tượng về kích thước dài- ngắn; to-nhỏ; cao- thấp. - Xếp xen kẽ.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	
			- Tạo ra qui tắc sắp xếp.
4. Đo lường		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. <i>- Nhìn tranh vẽ và đoán kích thước, hướng của đồ vật bằng tiếng anh</i>
		- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
5. Hình dạng	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
	- Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	- Lắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	
			- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.

6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Ngôi nhà toán học của Mille	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - <i>Nói về vị trí của các đồ vật bằng tiếng anh</i> - Trò chơi: “ Ngôi nhà không gian và thời gian của TruyDy”
		- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. - Ngôi nhà không gian và thời gian của TruyDy	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.. - Trò chơi: “ Ngôi nhà toán học của Mille” Bò Millie.

c) Khám phá xã hội

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Địa chỉ gia đình. Một số nhu cầu của gia đình (<i>gia đình dân tộc Thái, khơ mú</i>)	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong GD - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình. Qui mô gia đình(gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình (gia đình người thái, khơ mú, đồ dùng đặc trưng trong gia đình của dân tộc thái, khơ mú...).
	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của	- Tên, địa chỉ của trường lớp. - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên (các bạn dân tộc Thái, Tày, Nùng) và một vài đặc điểm	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non. - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Tên, đặc điểm, sở thích của các bạn; các

	lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	hoạt động của trẻ ở trường.
2. Một số nghề trong xã hội	Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến, nghề địa phương của dân tộc thái, khơ mú...	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của Điện Biên: Đan lát, dệt thổ cẩm...sản phẩm của nghề nông: Gạo tám thơm, sến cù, nếp cẩm ...	
3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương (lễ hội hoa ban, , ngày 7/5, di tích đồi A1, tượng đài chiến thắng...) . - <i>Lễ hội Hoa Ban của tỉnh Điện Biên</i>	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương, ngày 7/5, lễ hội hoa ban, di tích Hận thù Noong Nhai, đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, ...	- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước: - Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả bản em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên - Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, tết trung thu, tết nguyên đán, lễ hội Hoa Ban ... Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương: Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội hoa ban, di tích đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, Đền Hoàng Công Chất...

2.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a. Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.
- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- *Nghe, hiểu câu chuyện ngắn trong chủ đề bằng Tiếng Anh và trả lời câu hỏi đơn giản.*
- *Nghe, hiểu câu hỏi về đồ vật, màu sắc, thành viên trong gia đình, số, bộ phận, màu sắc, hình học, trang phục, cảm giác và trả lời được câu hỏi của cô.*

b. Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.
- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.
- *Nói tên một số thành viên trong gia đình mình và bạn, màu sắc, số, các phòng trong nhà, tên các đồ chơi, các hướng,*
- *Đếm từ 1-10 bằng Tiếng Anh*
- *Phát âm đúng các bộ phận cơ thể bằng tiếng Anh*

c. Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.
- *Làm quen với “Thư viện thân thiện cho bé”*
- *Tiếp cận công nghệ AI phù hợp với độ tuổi*

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nghe	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - <i>Hiểu được về lễ hội Halloween và Giáng sinh</i> - <i>Hiểu câu hỏi về đồ vật, bộ phận cơ thể, 1 số hình học, màu sắc, và trả lời được câu hỏi của cô</i> - <i>Hiểu và trả lời được câu hỏi về thành viên trong gia đình và số của cô bằng tiếng anh</i>	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Hiểu một số từ chỉ tên gọi đồ vật trong trường mầm non, trong gia đình... bằng tiếng anh - Nghe, hiểu một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi - <i>Nghe, hiểu và trả lời câu hỏi về số và màu bằng tiếng anh</i> - Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác
	- Hiểu và làm theo yêu	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên

	câu đơn giản.	câu. - Hiểu và làm theo 2,3 yêu cầu đơn giản quen thuộc bằng tiếng Anh	tiếp. - Nghe và thực hiện được 2 đến 3 yêu cầu liên tiếp đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh
	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu và trả lời được câu hỏi về thành viên trong gia đình và số của cô bằng tiếng anh	
	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe, hiểu câu chuyện ngắn trong chủ đề bằng Tiếng Anh và trả lời câu hỏi đơn giản.		
	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Nghe bài văn vắn, bài thơ, bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh		
2. Nói	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Tăng cường tiếng việt cho trẻ dân tộc.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Nói được 1 số từ trong chủ đề, tên một số thành viên trong gia đình, tên các bộ phận cơ thể, tên một số phương tiện giao thông, tên 1 số nhân vật đóng vai trong chuyện bằng tiếng anh - Tập đếm từ 1-5 bằng Tiếng Anh	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Chào hỏi và trả lời câu hỏi bằng tiếng anh - Tăng cường TV cho trẻ dân tộc. - Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc. - Nói được tên các phòng trong nhà bằng tiếng anh - Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích
	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác

nào?	- Tăng cường tiếng việt cho trẻ dân tộc - Làm quen với tiếng việt - <i>Trả lời được câu hỏi: (Có bao nhiêu? Có/không (Yes/No.) bằng tiếng Anh</i>	- nhau? do đâu mà có?. - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?. - <i>Hỏi và trả lời câu hỏi bằng tiếng Anh</i>
- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - <i>Chào – Hello bằng tiếng Anh</i>	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, <i>cảm xúc</i> phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		
	- Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản, phù hợp với tình huống giao tiếp đơn giản phù hợp với độ tuổi bằng tiếng Anh	
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
	Nhắc lại một số câu vắn, câu thơ đơn giản bằng tiếng anh phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh	
- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	- Kể lại truyện đã được nghe. - <i>Nói được tên 1 số nhân vật đóng vai trong chuyện bằng tiếng Anh</i>	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh - Làm quen với 1 - 3 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường;	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Ứng dụng công nghệ AI - <i>Nói tên các đồ chơi bằng tiếng anh</i>
- Kể lại sự việc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	- Kể lại sự việc theo trình tự. - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù

		hợp với lứa tuổi
	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	- Đóng kịch.
3. Làm quen với đọc, viết	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)	
		- Làm quen với 1 - 5 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường
	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	- Nhận dạng 10 - 15 chữ cái tiếng Việt. - Nhận dạng các chữ cái Tiếng Việt và chữ cái tiếng Anh - Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng. - <i>Nhìn tranh vẽ đoán kích thước của đồ vật được làm quen bằng tiếng anh</i>
		- Tập tô, tập đồ các nét chữ cái Tiếng Việt, và 1 số chữ cái Tiếng Anh
		- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + <i>Hướng dẫn trẻ cách chọn sách phù hợp với lứa tuổi và sở thích cá nhân. Giới thiệu cho trẻ những cuốn sách mới, hấp dẫn và phù hợp với các chủ đề học tập hoặc sự kiện đặc biệt.</i> + <i>Sáng tạo thông qua các hoạt động như vẽ tranh, làm đồ thủ công liên quan đến câu chuyện đã đọc.</i>	
	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Xem truyện tranh và kể chuyện qua tranh bằng tiếng anh

		- Trò chơi: “Ngôi nhà văn học, chữ viết HapPyKid” trên phần mềm kidmast
	- Giữ gìn sách.	- Giữ gìn, bảo vệ sách.

2.4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

a. Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b. Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Phát triển tình cảm - Ý thức về bản thân	- Những điều bé thích, không thích. - Tên tuổi, giới tính - Nhận biết và thể hiện tình cảm, cảm xúc, quyền con người.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân; tên bố, mẹ. - Nói được một số thành viên trong gia đình bằng tiếng Anh - Sở thích, khả năng của bản thân..	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. - Sở thích, khả năng của bản thân. - Nhận biết và thể hiện tình cảm, cảm xúc, quyền con người: Tôn trọng sở thích của bản thân, tôn trọng sở thích của người khác - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Nghe lời, giúp đỡ bố, mẹ, cô giáo những công việc vừa sức

			- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Thói quen thực hiện nghiêm túc khẩu hiệu 2k trong phòng chống dịch bệnh covid-19 - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. <i>- Giáo dục cảm xúc cho trẻ:</i> <i>Thể hiện tình cảm tích cực với bạn bè, cô giáo và người thân.</i> <i>Cách điều chỉnh cảm xúc, kiềm chế hành động bột phát và tìm sự hỗ trợ khi cần. Sự tự tin, mạnh dạn, biết chia sẻ và hợp tác trong hoạt động chung.</i>	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. (Nhận diện có nhiều trạng thái cảm xúc, ai cũng có cảm xúc riêng, cảm xúc được yêu thương, được bạn giúp đỡ, quan tâm đến cảm xúc của người xung quanh, cảm xúc đối mặt với khó khăn thử thách, biết ơn, thực hiện nội quy nơi công cộng, giao tiếp lịch sự, cảm xúc vượt qua nỗi sợ hãi, cảm xúc yêu thương con vật, cảm xúc chia sẻ, giúp đỡ, quyết tâm, vui mừng, Quan tâm đến cảm xúc của những người xung quanh, cảm xúc khi thấy người khác vui, cảm xúc "xua đi nỗi sợ hãi) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc
	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

		hình.	- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
	- Kính yêu Bác Hồ. Yêu quê hương đất nước - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, Điện Biên. - <i>Quan tâm đến lễ hội Hoa Ban của tỉnh Điện Biên</i>	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của Điện Biên: Đồi A1, Hầm Đờ Cát, Lễ hội Hoa Ban, Lễ hội Đền Hoàng Công Chất...	- Hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...) - Thể hiện được tình cảm kính yêu Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của Điện Biên: Đồi A1, Hầm Đờ Cát, Lễ hội Hoa Ban, Lễ hội Đền Hoàng Công Chất... - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - <i>Thể hiện tình cảm về quê hương Điện Biên</i>
2. Phát triển kỹ năng xã hội	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - <i>Làm quen với các đồ dùng thiết bị công nghệ ở lớp và gia đình</i>	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). <i>Nhận biết các thiết bị công nghệ ở trường lớp mầm non</i> - Tự chọn đồ dùng đồ chơi theo ý thích	
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chơi hòa thuận với bạn - Chờ đến lượt. - Thực hiện một số kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói bằng tiếng anh và cử chỉ lễ phép. “Helo, Thankiu” - Chờ đến lượt, hợp tác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự
- Quan tâm đến môi trường	- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình - <i>Nhận biết về cảm xúc của</i>	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao	

	<i>người khác</i>		
		- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. <i>(chia sẻ với các bạn nghèo vùng cao Điện Biên, cảm thông, chia sẻ với mọi người trong hoàn cảnh thiên tai).</i>	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. <i>(chia sẻ với các bạn nghèo vùng cao Điện Biên, cảm thông, chia sẻ với mọi người trong hoàn cảnh thiên tai).</i>
	- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường (không nuôi gia súc, gia cầm ở gầm sàn). - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.		

2.5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

b) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. <i>(dệt thỏ cảm...)</i>

2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca của dân tộc Thái, Tày, Nùng... - Nghe ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca của địa phương...) - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển dân ca Thái, dân tộc Tày, Nùng...) - Nghe và nhận ra sắc thái, <i>cảm xúc</i> (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe bài hát đơn giản bằng tiếng anh
	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - <i>Hát theo một số bài hát phù hợp với lứa tuổi bằng Tiếng Anh</i>
	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc của dân tộc Thái, Tày, Nùng... - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của 1 số bài hát, bản nhạc nước ngoài	
	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu và nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát bản nhạc. - <i>Vận động theo nhạc một số bài hát phù hợp bằng Tiếng Anh</i>
	- Tắt mở đàn, nhớ vị trí và đánh được 1 số nốt nhạc	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu bằng dụng cụ âm nhạc sẵn có ở địa phương: đá, ống tre, ống nứa.... - Bộ sưu tập thể giới sôi động 1 - Thinkin" Thinh"	
	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. Ứng dụng theo hướng STEM
	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu

	phẩm.	màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. Ứng dụng theo hướng STEM
	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ AN để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát bằng đồ vật sẵn có ở địa phương: Đá, ống tre, ống nứa ...	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn). - Trò chơi: “ Bộ sưu tập thế giới sôi động Thinkin" Thinh” trên phần mềm kidmast - Thể hiện thái độ tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật
	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
		- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	
	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.		

IV. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

1. Giáo dục thể chất

a) Phát triển vận động

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4- 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Thực hiện	Thực hiện đủ các động tác trong	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng	Thực hiện đúng, thuần thục các

được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	bài tập thể dục theo hướng dẫn.	các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động.	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	2.1. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	2.1. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0.3m) 1 đầu kê cao 0.3m - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.
	2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt dích dắc).	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).
	2.3 Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	2.3 Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	2.3 Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng này 4 - 5 lần liên tiếp.
	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:

	- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài - Nhảy dây.	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Chạy liên tục 120m không hạn chế thời gian. (Bộ chuẩn) - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. + Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất - Bật xa tối thiểu 50cm - Nhảy từ trên cao xuống
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay mắt	3.1. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	3.1. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay. - Đan nong một, tết	3.1. Thực hiện được các vận động: -Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. - Gập mở lần lượt từng ngón tay
	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây., quả, hoa,... - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày	3.2. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya.)

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4- 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Biết một số	1.1. Nói đúng tên một số	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm:	11.1. Lựa chọn được một số thực

món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Thịt, cá,...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.		phẩm khi được gọi tên nhóm: - TP giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		
	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo.....	2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	
	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	3.1. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	3.1. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	
	3.2. Có một số hành vi tốt	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ	

	trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. - Trẻ nhận biết được được một số nguồn lửa, nguồn nhiệt, vật dụng dễ gây cháy nổ. - Trẻ nhận biết các tín hiệu, phương tiện chữa cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.	4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, nguồn lửa, nguồn điện.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. - Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ.
	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng...) khi được nhắc nhở.	4.2. Trẻ nhận ra những nơi như: Bể chứa nước, hòn non bộ, ao sen, ổ điện, quạt điện, mương nước, nguồn lửa, nguồn điện... là nơi nguy hiểm tại trường và lớp học mầm non, không được chơi gần.	4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.

	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Trẻ biết cách phòng tránh một số nguồn lửa và một số sự cố có thể gây cháy, nổ.	4.3. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	4.3. Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc. - Biết không tự ý uống thuốc; - Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho SK
		4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	4.4. Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn, người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Nhận biết các tín hiệu, phương tiện chữa cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy. - Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn. + Khi người lạ bế, ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.

			- Biết được địa chỉ, nơi ở, SĐT gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. 4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
	- Nhận biết được các dạng thiên tai thường xảy ra nơi trẻ sinh sống. - Biết được mình phải nghe người lớn và làm theo những gì người lớn hướng dẫn. - Biết 1 số việc cần phải làm để tự đảm bảo sự an toàn cho bản thân: né tránh nguy hiểm, thoát hiểm, biết chỗ trú ẩn nơi an toàn, biết cách cầu cứu, làm theo sự chỉ dẫn của người lớn.		

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ứt?...	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? Mưa đá, giông, sấm sét, động đất...
	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ, nếm... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	1.2 . Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối

			tượng.
	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.
	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách lật trên máy tính, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”. - Trẻ có thể dự đoán 1 số HTTN đơn giản sắp xảy ra (BC)
		2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
	3. 2. Thể hiện một số điều	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua

	quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
	3.3. Trẻ biết tên gọi và làm quen với một số thiết bị công nghệ, chơi được 1 số TC trong phần mềm Kidsmart, trò chơi UDCNTT.		

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết số đếm, số lượng	1.1. Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...
	1.2. Trẻ đếm được trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. 1.3. Trẻ có thể biết đếm từ 1 đến 10 bằng tiếng Anh.	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. 1.3. Trẻ có thể biết đếm từ 1 đến 10 bằng tiếng Anh.
	1.3. Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1.4. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1.4. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	1.5. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	1.5. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.
	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong	1.6. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	1.6. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các

	phạm vi 5 thành hai nhóm.		cách khác nhau.
		1.7. Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng, số thứ tự. Sử dụng các số từ 1- 5 bằng tiếng anh để chỉ số lượng, số thứ tự.	1.7. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
		1.8. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	1.8. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
2. Sắp xếp theo qui tắc	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. 2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. 2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
3. So sánh hai đối tượng	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.
4. Nhận biết hình dạng	Trẻ nhận được dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...). 4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. 5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. 5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.

c) Khám phá xã hội

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện bằng tiếng anh	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.
	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
	1.3. Nói được địa chỉ của gia đình thôn, đội) khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	1.3. Trẻ nói được địa chỉ của GD mình (thôn, đội) khi được hỏi, trò chuyện.	1.3. Trẻ nói được địa chỉ GD mình (Thôn, đội bản), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.
	1.4. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
		1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
		1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”

3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, Tết Nguyên Đán,; Ngày 8/3; ngày 20/11; Lễ hội hoa Ban ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	3.1. Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội: Ngày khai giảng; Tết Trung thu,; Tết Nguyên Đán,; Ngày 8/3; ngày 20/11; Lễ hội hoa Ban ...	3.1. Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: - Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên - Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, tết trung thu, tết nguyên đán, lễ hội Hoa Ban.
	3.2 Trẻ biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở Điện Biên: Đồi A1; Hàm Đờ cát;	3.2. Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở Điện Biên: Đồi A1; Hàm Đờ cát ...	3.2. Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương Điện Biên: Đồi A1, Hàm Đờ cát

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nghe hiểu lời nói	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.
	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả.	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).
	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. Nghe, hiểu được về lễ hội Halloween và Giáng sinh	1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.

		- Nghe, hiểu câu chuyện ngắn trong chủ đề bằng Tiếng Anh và trả lời câu hỏi đơn giản. - Nghe, hiểu câu hỏi về đồ vật, màu sắc, hình dạng và trả lời được câu hỏi của cô - Nghe, hiểu và trả lời được câu hỏi về thành viên trong gia đình và số của cô. - Nghe, hiểu về bộ phận cơ thể, 1 số hình học.	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	2.1. Nói rõ các tiếng.	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Nói được 1 số từ trong chủ đề bằng tiếng Anh - Đếm số từ 1 đến 3 bằng tiếng Anh - Chào - Hello, Trẻ gọi được tên các nhân vật trong sách bằng tiếng Anh - Trả lời được câu hỏi: (Có bao nhiêu?) bằng tiếng Anh - Trả lời được câu hỏi: Yes/No. bằng tiếng Anh - Nói tên một số thành viên trong gia đình bằng tiếng Anh - Tập đếm từ 1-5 bằng Tiếng Anh - Phát âm đúng tên các bộ phận cơ thể	2.2. Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh. <i>Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.</i> <i>Trẻ nói được một số từ tiếng Anh đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.</i>

		bằng tiếng Anh - Phát âm một số con vật, đồ vật, màu sắc, hình dạng và trả lời được câu hỏi của cô bằng tiếng Anh - Nói được tên một số phương tiện giao thông, tên 1 số nhân vật đóng vai trong chuyện bằng tiếng Anh	
2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	
		- Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi; - Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10, một số từ, cụm từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc với lứa tuổi; - Nhắc lại, đọc theo được một số câu vắn, câu thơ quen thuộc với lứa tuổi; - Hát theo, hát được một số bài hát quen thuộc với lứa tuổi;	
2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.	2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	
2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, kể chuyện...	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	

	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	2.8. Sử dụng các từ như: “mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp”.	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.
	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
3. Làm quen với việc đọc - viết	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	3.1. Chọn sách để xem.	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.
	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
		3.3. Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.
		3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...
		3.5. Nhận dạng 10 - 15 chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt và có thể nhận dạng chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Anh
	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. Tô đồ được một số nét chữ cái Tiếng Anh

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Thể hiện ý thức về bản thân	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.
			1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
			1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.
			1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).
	2.2. Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao.	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. - Nhận biết, ý thức và “quản lý” cảm xúc trong các hoạt động ở trường và	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.

	<i>môi trường sống.</i> - <i>Giúp trẻ hình thành và duy trì các mối quan hệ tích cực</i>		
	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
			3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)
	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
		3.5. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của Điện Biên: Đồi A1,; Hàm Đờ cát ...	3.6. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở...) của quê hương Điện Biên
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	4.1 Trẻ thực hiện được một số quy định của lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.
	4.2 Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
	4.2 Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.

		4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	4.4. Biết chờ đến lượt.
		4.5. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.
			4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).
5. Quan tâm đến môi trường	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. <i>(chia sẻ với các bạn nghèo vùng cao Điện Biên, cảm thông, chia sẻ với mọi người trong hoàn cảnh thiên tai).</i>	
	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.
		5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
		5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.

nghệ thuật71	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... - Trẻ có thể hát theo, hát thuộc một số bài hát phù hợp với lứa tuổi bằng Tiếng Anh
	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). - Trẻ có thể vận động theo một số bài hát phù hợp với lứa tuổi bằng Tiếng Anh
	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.

	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	2.4. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	2.5. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	2.6. Làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	2.6. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.
	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	3.0. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
		3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
	3.1. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
	3.2. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Các hoạt động giáo dục

1.1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

1.2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

1.3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: Lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

1.4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỉ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết trung thu, ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8/3), tết Thiếu nhi 1/6,...)

2.2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

2.3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3. Phương pháp giáo dục

3.1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: Sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

- Phương pháp ứng dụng dạy học tích hợp giáo dục theo tiếp cận STem/ Steam, dạy học theo dự án.

3.2. Nhóm phương pháp trực quan – minh họa

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3.3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

- Phương pháp dạy tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số: Giáo viên vận dụng phương pháp trực quan hành động với cơ thể, trực quan hành động, trực quan hành động với đồ vật và trực quan hành động với tranh ảnh, trực quan hành động với hoạt động vẽ tranh, trực quan hành động qua hoạt động di chuyển tranh ảnh, sử dụng tối đa các giác quan để trẻ hiểu sâu sự vật hiện tượng.

+ Giáo viên cần tôn trọng các giai đoạn lĩnh hội ngôn ngữ qua nghe hiểu không đi kèm hỏi đáp bằng lời giúp trẻ tích lũy đủ ngữ điệu trước khi sẵn sàng sản sinh lời nói. Do đó, trẻ cần được nghe và tham gia các hoạt động giao tiếp có ngữ cảnh nhưng không cần đòi hỏi phải nói khi trẻ chưa sẵn sàng. Các hoạt động tiên đọc, tiên viết được thực hiện từng bước phù hợp với khả năng của trẻ và tương thích với giai đoạn tiên đọc, tiên viết của tiếng Việt;

3.4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ.

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

3.5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm – sinh lý của trẻ.

3.6. Phương pháp cho trẻ làm quen với tiếng anh

- Phương pháp cho trẻ 4-5 tuổi làm quen với tiếng Anh: Chủ động liên kết với trung tâm tin học ngoại ngữ tỉnh, khuyến khích và tạo điều kiện cho trẻ 4-5 tuổi khu trung tâm làm quen với tiếng Anh.

+ Phương pháp cho trẻ mẫu giáo làm quen với Tiếng Anh theo quan điểm giáo dục "lấy trẻ làm trung tâm", nhấn mạnh vào việc hình thành khả năng giao tiếp thông qua vui chơi và các hình thức phù hợp với trẻ em mẫu giáo. Trong quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh, chú trọng đến quá trình trẻ lĩnh hội ngôn ngữ một cách tự nhiên trong ngữ cảnh giao tiếp gần gũi, có ý nghĩa; phù hợp với mục tiêu, nội dung làm quen với tiếng Anh. Định hướng và cách tiếp cận chủ đạo trong phương pháp cho trẻ làm quen với tiếng Anh đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Sử dụng phối hợp các phương pháp cho trẻ được trải nghiệm ngôn ngữ tiếng Anh một cách tự nhiên, trong ngữ cảnh thực tế, gần gũi, phù hợp với trẻ;

+ Sử dụng phối hợp các tình huống, trò chơi, bài hát, vận động, thơ, truyện phù hợp, đơn giản gần gũi với cuộc sống của trẻ qua đó dạy trẻ làm quen với hệ thống ngữ âm, nhận diện từ ngữ đơn giản trong tình huống giao tiếp cụ thể, khuyến khích trẻ tham gia vào các hội thoại ngắn hoặc theo khả năng. Giáo viên có thể sử dụng công nghệ và các phương tiện hỗ trợ trong quá trình cho trẻ làm quen với tiếng Anh;

+ Trẻ cần được quan tâm, khích lệ để duy trì hứng thú đối với tiếng Anh thông qua các hoạt động, trò chơi dưới hình thức cá nhân, nhóm nhỏ, nhóm lớn, tương tác với giáo viên và trẻ khác.

- Giáo viên phụ trách các lớp kết hợp với GV trung tâm Ngoại ngữ Việt Mỹ dựa vào Thông tư số 50/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 và chương trình dạy tiếng Anh của trung tâm Ngoại ngữ Việt Mỹ được Sở GD&ĐT phê duyệt để thống nhất thực hiện chương trình đưa vào các chủ đề cho phù hợp.

- Giáo viên phụ trách các lớp kết hợp với GV dạy tiếng Anh sử dụng công nghệ số để thường xuyên ôn luyện cho trẻ vào mọi lúc mọi nơi.

3.7. Phương pháp cho trẻ làm quen với công nghệ số: Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm phòng kismet, các trò chơi công nghệ thông tin, các phương tiện truyền thông...

3.8. Phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận tích hợp Stem/Steam, dạy học theo dự án, dạy học lấy trẻ làm trung tâm.

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

- Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình GDMN, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

- Đánh giá sự phát triển của trẻ phải được thực hiện với mục đích chính là cung cấp cho giáo viên những thông tin cần thiết làm cơ sở cho việc lập kế hoạch giáo dục phù hợp để thúc đẩy sự phát triển của trẻ.

- Có sự phối hợp nhiều phương pháp hình thức đánh giá. Chú trọng đánh giá sự tiến bộ của trẻ trên cơ sở đó giúp giáo viên điều chỉnh kế hoạch giáo dục, tổ chức các hoạt động giáo dục tiếp theo phù hợp với thực tế và với trẻ, coi trọng đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hàng ngày.

1. Đánh giá trẻ hằng ngày

1.1. Mục đích đánh giá: Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ
- Trạng thái cảm xúc, thái độ hành vi của trẻ
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá:

- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ
- Trao đổi với cha mẹ/ người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

2.1. Mục đích đánh giá: Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/ tháng, cuối mỗi độ tuổi), trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và KNXH, thẩm mỹ.

2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá:

- Quan sát
- Trò chuyện với trẻ
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/ trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha mẹ/ người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/ tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ căn cứ dựa thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

V. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN

- 100% các lớp sử dụng bộ công cụ đánh giá việc thực hiện chương trình.
 - Xây dựng bộ công cụ đánh giá. Xây dựng các tiêu chí đánh giá
 - Nội dung đánh giá:
 - + Đánh giá chương trình giáo dục: Đánh giá kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; Đánh giá việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục; Đánh giá việc đánh giá sự phát triển của trẻ.
 - + Đánh giá việc tổ chức môi trường giáo dục
 - + Đánh giá đội ngũ thực hiện chương trình
 - + Đánh giá công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, cộng đồng.
 - + Đánh giá thực hiện giáo dục hòa nhập đối với trẻ có nhu cầu đặc biệt
 - + Đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá.
 - Thời gian chu kỳ đánh giá: Đánh giá thực hiện chương trình giáo dục được thực hiện thường xuyên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học hằng năm.
- Căn cứ vào mục đích, nội dung đánh giá để xác định giám sát, đánh giá thường xuyên, định kỳ, đột xuất, theo nội dung hoặc theo “chuyên đề chuyên sâu”. Trong đó coi trọng giám sát, kiểm tra, đánh giá thường xuyên các nội dung triển khai thực hiện chương trình Thông qua các hoạt động quản lý, triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để điều chỉnh kịp thời quá trình hoạt động tổ chức quản lý và chương trình giáo dục.
- Hình thức đánh giá:
 - + Theo thời gian: thường xuyên, đột xuất, định kỳ
 - + Theo nội dung: toàn diện (tất cả các nội dung về thực hiện chương trình), kiểm tra chuyên đề/nội dung trọng tâm bất kỳ.

- + Đánh giá trực tiếp/gián tiếp
- + Theo số lượng của kiểm tra đánh giá
- + Theo thời điểm thực hiện việc kiểm tra đánh giá.
- + Theo chủ đề kiểm tra đánh giá.

D. NỘI DUNG HỖ TRỢ TRẺ KHUYẾT TẬT

I. Nội dung

Lĩnh vực	Nội dung giáo dục
Kỹ năng giao tiếp	Lắng nghe người khác nói Làm theo chỉ dẫn Thể hiện nhu cầu và mong muốn của bản thân Trả lời câu hỏi
Kỹ năng xã hội	Chờ đến lượt Đối thoại với người khác Kết bạn Hiểu ngôn ngữ cử chỉ, điệu bộ
Kỹ năng học tập	Đọc Viết Toán
Kỹ năng sống độc lập	Sử dụng tiền Sử dụng công nghệ Sử dụng phương tiện giao thông Tự bảo quản đồ dùng cá nhân
Kỹ năng vận động	Phát triển kỹ năng vận động thô Phát triển kỹ năng vận động tinh Tham gia các hoạt động thể chất Tiếp cận với môi trường xung quanh
Kỹ năng kiểm soát cảm xúc và hành vi	Nhận ra và phân biệt các cảm xúc khác nhau Thể hiện cảm xúc

	Kiểm soát cảm xúc Kiểm soát cơn giận dữ
Kỹ năng làm việc	Có những kỹ năng làm việc ban đầu Làm việc nhóm Tự quản lý bản thân Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện
Sức khỏe	Sức khỏe thể chất Sức khỏe tâm thần

II. Tổ chức hoạt động hỗ trợ giáo dục cho trẻ khuyết tật.

Căn cứ vào mục tiêu và nội dung hỗ trợ, các hoạt động cụ thể được thiết kế và thực hiện cần dựa trên nhu cầu đa dạng của người khuyết tật và gia đình. Các loại hình hoạt động hỗ trợ cần đa dạng, phong phú nhằm tăng cơ hội tiếp thu kiến thức và tăng mức độ thành thạo kỹ năng, cơ hội trải nghiệm cho người khuyết tật.

Các hoạt động cần được thiết kế và tổ chức một cách vui nhộn, thú vị để khuyến khích người khuyết tật tham gia, tạo động cơ phong phú để người khuyết tật mong muốn, có nhu cầu khám phá, tham gia và tò mò muốn biết. Các hoạt động đa dạng về hình thức và hướng tới việc dạy các kỹ năng tích hợp với những mục tiêu lựa chọn trong các hoạt động hằng ngày của người khuyết tật. Việc dạy một kỹ năng cụ thể cần được thực hiện không chỉ bởi nhân viên hỗ trợ, giáo viên mà còn bởi nhiều thành viên khác tại trường học và gia đình, thông qua việc sử dụng nhiều phương tiện dạy học khác nhau, trong các môi trường đa dạng mà người khuyết tật tham gia.

III. Tổ chức thực hiện đối với trẻ khuyết tật.

1. Công tác tuyên truyền, vận động người khuyết tật, gia đình người khuyết tật

Phát hiện và huy động và tiếp nhận trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường.

Tuyên truyền, vận động người khuyết tật, gia đình người khuyết tật, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể địa phương các tổ chức, cá nhân có liên quan để nâng cao nhận thức về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.

Vận động người khuyết tật, gia đình người khuyết tật cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin về khả năng và nhu cầu của người khuyết tật cho nhà trường và hội đồng xác nhận mức độ khuyết tật cấp xã.

Chủ trì, phối hợp với người khuyết tật, gia đình người khuyết tật xây dựng và thực hiện kế hoạch cá nhân của người khuyết tật.

Cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin về kết quả chăm sóc, can thiệp sớm và giáo dục khuyết tật cho các bên liên quan khi

người khuyết tật chuyển cấp, chuyển cơ sở giáo dục hoặc về với gia đình.

Bảo mật thông tin về tình trạng khuyết tật của cá nhân người khuyết tật và gia đình người khuyết tật.

2. Tổ chức thực hiện

Sắp xếp bố trí lớp học phù hợp với người khuyết tật, đảm bảo mỗi lớp học hòa nhập không quá 2 trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Phân công giáo viên giảng dạy lớp có trẻ khuyết tật, có nhiệt tình, tâm huyết có nhiều kinh nghiệm, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập phù hợp với khả năng của trẻ khuyết tật.

Xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập thân thiện, đảm bảo người khuyết tật được tôn trọng, hỗ trợ hợp tác và được tham gia bình đẳng trong mọi hoạt động giáo dục .

3. Công tác phối hợp với gia đình, y tế, tổ chức xã hội, cộng đồng

Chủ động phối hợp gia đình, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, các tổ chức cá nhân, cơ sở giáo dục chuyên biệt và cộng đồng thực hiện giáo dục hòa nhập, xây dựng môi trường giáo dục hoà nhập thân thiện bình đẳng an toàn thuận lợi cho sự phát triển và hòa nhập cộng đồng của người khuyết tật

Gia đình phối hợp với cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và các tổ chức cá nhân thực hiện giáo dục hòa nhập giám sát các hoạt động hỗ trợ can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập và phát triển kỹ năng cơ bản cho người khuyết tật để hòa nhập cộng đồng

Các tổ chức cá nhân phối hợp với cơ sở giáo dục trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục học hòa nhập và gia đình tuyên truyền nâng cao nhận thức về trách nhiệm trong thực hiện giáo dục hòa nhập giúp người khuyết tật hòa nhập cộng đồng.

4. Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên về giáo dục hòa nhập

Phát triển chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên đáp ứng nhiệm vụ giáo dục hòa nhập.

Tham quan, học tập kinh nghiệm về giáo dục hòa nhập.

Giáo viên thường xuyên tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp, học hỏi kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả giáo dục hòa nhập.

Huy động nhân lực hỗ trợ giáo dục hòa nhập và sử dụng nguồn ngân sách nhà nước dành cho việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục hòa nhập theo quy định của pháp luật.

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối với BGH

Căn cứ vào chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo BGH thành lập Hội đồng biên soạn xây dựng Chương trình giáo dục Nhà trường, Kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục phù hợp với tình hình Nhà trường, tình hình của địa phương.

Hiệu trưởng quản lý và chỉ đạo chung toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo chỉ tiêu kế hoạch phát triển nhà trường đề ra trong năm học 2025-2026. Chịu trách nhiệm trước UBND Phường Mường Thanh và Sở Giáo dục Đào tạo về chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Phó hiệu trưởng giúp phụ trách các hoạt động chuyên môn của các tổ/khối và các hoạt động khác được phân công. Chỉ đạo và phối hợp với các tổ chuyên môn xây dựng chương trình giáo dục nhà trường; Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục nhà trường. Thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn, xây dựng thực hiện chuyên đề đổi mới phương pháp giáo dục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ, chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ. Giám sát và phê duyệt việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục năm học, chủ đề, tuần, ngày, các hoạt động chăm sóc, giáo dục.

2. Đối với tổ trưởng, tổ phó chuyên môn

Phối kết hợp cùng BGH xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục nhà trường.

Triển khai chương trình giáo dục nhà trường, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục nhà trường. Chỉ đạo, định hướng giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với lớp phụ trách. Phê duyệt các kế hoạch giáo dục của giáo viên trong tổ. Xây dựng kế hoạch và điều hành tổ chức sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên. Giám sát và tư vấn cho giáo viên thực hiện các hoạt động chuyên môn, phát triển chương trình, đổi mới phương pháp dạy học ứng dụng các phương pháp tích hợp, tiếp cận dạy học Stem, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục kịp thời.

3. Đối với giáo viên các lớp

Căn cứ vào chương trình GD của Nhà trường và điều kiện của lớp kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

Thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục đã xây dựng. Xây dựng kế hoạch năm, tháng/chủ đề, tuần, ngày trên hệ thống VnEdu.

Đánh giá trẻ hằng ngày, theo dõi trẻ đi học, theo dõi cân nặng, chiều cao, trẻ suy dinh dưỡng trên hệ thống VnEdu.

- Căn cứ Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm học, tháng/chủ đề, tuần, ngày) thực hiện phát triển chương trình phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

- Nội dung các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

- Theo dõi, đánh giá thường xuyên sự phát triển của trẻ và xem xét các mục tiêu của chương trình, kết quả mong đợi để có kế hoạch tổ chức hướng dẫn phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ và của nhóm/lớp.

- Phát hiện tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ, phát hiện sớm trẻ có khó khăn trong phát triển, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình, cộng đồng để chăm sóc giáo dục trẻ tốt nhất.

Trên đây là kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026. Yêu cầu BGH, tổ chuyên môn, giáo viên triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chuyên môn nhà trường
- Lưu: VneDu, trang Web trường

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Trịnh Thị Huyền